

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4225 /BTC-KHTC
V/v: Quy trình xây dựng kế hoạch
đầu tư XDDB, thanh toán và
quyết toán vốn đầu tư.

Hà nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

- Kính gửi: - Tổng cục thuế, Cục Thuế các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương;
- Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Cục Dự trữ Nhà nước các khu vực;
- Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan địa phương;
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Học viện Tài chính;
- Trường Đại học Tài chính - Kế toán;
- Trường Đại học Tài chính - Marketing;
- Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan;
- Trường Cao đẳng Tài chính - Quản trị kinh doanh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính;
- Các chủ đầu tư;
- Các Ban quản lý dự án.

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH 11 ngày 26/11/2003, Luật Đấu thầu số 61/2005/QH 11 ngày 29/11/2005, Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH 11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng; số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo các Nghị định của Chính phủ: số 52/1999/NĐ-CP ngày 8/7/1999, số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000, số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003;

Căn cứ Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn NSNN và vốn trái phiếu Chính phủ; Công văn số 7356/BKHĐT-TH ngày 28/10/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 16989/BTC-ĐT ngày 13/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thanh toán vốn đầu tư từ kế hoạch năm 2012;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 50/2011/TT-BTC ngày

21/4/2011 về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm; số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư hàng năm, trình tự thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước; lập, thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm và quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước như sau:

I. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG:

1. Về quy trình lập kế hoạch đầu tư hàng năm:

Tất cả dự án đầu tư của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính để được khởi công xây dựng thực hiện đầu tư, cải tạo sửa chữa đều phải thực hiện đăng ký ghi kế hoạch và được duyệt trong kế hoạch đầu tư hàng năm. Bộ duyệt quyết định kế hoạch đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng và các dự án cải tạo sửa chữa (làm tăng quy mô) có tổng mức vốn đầu tư từ 2 tỷ đồng trở lên. Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,...quyết định kế hoạch đầu tư đối với các dự án còn lại và gửi các quyết định về Bộ để theo dõi và quản lý. Các chủ đầu tư chịu trách nhiệm đăng ký nhu cầu danh mục và kế hoạch vốn đầu tư hàng năm (kế hoạch đầu tư xây dựng mới, kế hoạch cải tạo sửa chữa) với cơ quan cấp trên chủ đầu tư và Bộ Tài chính.

Cơ quan cấp trên chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu của hệ thống lập biểu đăng ký kế hoạch nhu cầu vốn, phân bổ vốn kế hoạch, trình Bộ Tài chính phê duyệt theo đúng thời gian và mẫu biểu quy định.

Khi có nhu cầu điều chuyển vốn, điều chỉnh thành phần vốn và bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn thanh toán, các chủ đầu tư và cấp trên chủ đầu tư phải thực hiện việc đăng ký với Bộ Tài chính (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính) theo mẫu biểu quy định.

Hàng quý, 6 tháng và hàng năm chủ đầu tư và cấp trên chủ đầu tư phải báo cáo tình hình thực hiện đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư của dự án và tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo mẫu biểu quy định.

2. Về trình tự thanh toán vốn đầu tư:

Các dự án đầu tư được thanh toán vốn đầu tư khi đủ thủ tục đầu tư và xây dựng, được bố trí vào kế hoạch đầu tư hàng năm của Nhà nước và có đủ điều kiện thanh toán khối lượng hoàn thành vốn theo quy định của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình

và của Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước. Để được thanh toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư cho các khối lượng hoàn thành, các chủ đầu tư phải chấp hành đúng trình tự và thủ tục thanh toán vốn đầu tư quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính và hướng dẫn tại II.2 của văn bản này.

3. Về quyết toán vốn đầu tư theo niên độ ngân sách hàng năm:

Hàng năm, kết thúc niên độ ngân sách, các cơ quan, đơn vị và các đơn vị sự nghiệp của ngành Tài chính đều phải thực hiện lập, thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Chế độ kế toán áp dụng cho Chủ đầu tư, Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính và hướng dẫn tại văn bản này.

Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm theo đúng biểu mẫu (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước về kế hoạch và số vốn đã thanh toán) kèm theo thuyết minh, gửi cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của Chủ đầu tư (các Tổng cục: Thuế, Hải quan, Dự trữ Nhà nước; Kho bạc Nhà nước; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) và Bộ Tài chính đúng thời hạn quy định.

Cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (đã phân cấp quản lý) thẩm định quyết toán của các chủ đầu tư và tổng hợp quyết toán các dự án thuộc phạm vi phân cấp quản lý gửi Bộ Tài chính (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính) để tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm của toàn ngành tài chính gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) để thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm gửi Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước.

Đối với số vốn tạm ứng theo chế độ quy định chưa thu hồi không đưa vào quyết toán niên độ ngân sách của năm kế hoạch, được chuyển sang ngân sách năm sau thanh toán và quyết toán theo quy định của Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính.

Nội dung báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm, biểu mẫu báo cáo quyết toán, thời hạn gửi báo cáo, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm theo hướng dẫn II.3 của văn bản này và Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính.

4. Về quyết toán dự án hoàn thành:

Tất cả các dự án đầu tư của các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của ngành Tài chính sử dụng vốn Nhà nước, ngay sau khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng (hoặc ngừng thực hiện vĩnh viễn) thực hiện quyết toán và báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của Luật Đấu thầu, ký kết hợp đồng kiểm toán để thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành và trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo nội dung, thời gian và mẫu biểu quy định.

“ Vốn đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào khai thác sử dụng. Chi phí hợp pháp là

chi phí được thực hiện trong phạm vi thiết kế, dự toán đã phê duyệt, kể cả phần điều chỉnh, bổ sung, đúng với hợp đồng đã ký kết, phù hợp với các quy định của pháp luật. Vốn đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc được điều chỉnh) theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác tổng chi phí đầu tư đã thực hiện; phân định rõ nguồn vốn đầu tư; chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư dự án; giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: Tài sản cố định (TSCĐ), tài sản lưu động (TSLĐ); đồng thời phải đảm bảo đúng nội dung, thời gian lập theo quy định tại hướng dẫn này.

Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, các chương trình dự án gồm nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập sử dụng (có quyết định phê duyệt dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình riêng biệt) thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập được thực hiện quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập theo quy định tại Thông tư này. Sau khi toàn bộ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, chương trình dự án hoàn thành, chủ đầu tư (hoặc chủ quản đầu tư trong trường hợp có nhiều chủ đầu tư các dự án thành phần) tổng hợp kết quả quyết toán toàn bộ dự án báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt; không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại các dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

Đối với các dự án có nhiều hạng mục công trình (các trường thuộc Bộ, kho tàng dự trữ Nhà nước,...), tùy theo quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng công trình, chủ đầu tư có thể thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cho từng hạng mục công trình hoặc từng gói thầu độc lập ngay sau khi hạng mục công trình, gói thầu độc lập hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng theo yêu cầu của người quyết định đầu tư. Giá trị đề nghị quyết toán của hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí mua sắm và lắp đặt thiết bị, chi phí tư vấn và các khoản chi phí khác có liên quan trực tiếp đến hạng mục đó. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư tổng quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung của dự án cho từng hạng mục công trình thuộc dự án trình người có thẩm quyền phê duyệt; không thẩm tra lại đối với các hạng mục công trình, gói thầu độc lập đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

Đối với các dự án sử dụng vốn nước ngoài (vốn vay, vốn viện trợ từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân người nước ngoài) khi hoàn thành phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo quy định của hướng dẫn này và các quy định liên quan của Điều ước Quốc tế (nếu có).

Đối với một chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) có thể bao gồm cả hai nội dung đầu tư xây dựng công trình và nội dung hỗ trợ kỹ thuật, thực hiện quyết toán như sau:

- Trường hợp chi phí đầu tư xây dựng công trình chiếm tỷ lệ lớn hơn 50% tổng giá trị vốn ODA, thực hiện quyết toán theo quy định của hướng dẫn này;

- Trường hợp chi phí đầu tư xây dựng công trình chiếm tỷ lệ nhỏ hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị vốn ODA, thực hiện quyết toán theo quy định cụ thể của

chế độ kế toán đối với đơn vị hành chính, sự nghiệp. Trong trường hợp này, nếu có tiểu dự án xây dựng công trình hoặc hợp phần xây dựng công trình được quyết toán độc lập thì thực hiện quyết toán theo quy định của hướng dẫn này;

Cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, gửi báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý theo nội dung và thời gian quy định.

Các dự án nhóm B,C, Thủ trưởng đơn vị được Bộ trưởng Bộ Tài chính phân cấp và ủy quyền quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Nội dung báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, biểu mẫu báo cáo quyết toán, hồ sơ trình duyệt quyết toán, kiểm toán quyết toán, trình tự thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo hướng dẫn tại II.4 của văn bản này và Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính.

5. Về điều kiện khởi công công trình:

Công trình chỉ được khởi công xây dựng khi có đủ các điều kiện theo quy định tại điều 72 của Luật xây dựng số 16/2003/QH11, đồng thời phải có đủ hồ sơ thủ tục (có dự án đầu tư phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt, có quyết định đầu tư xây dựng công trình ở thời điểm trước ngày 31/10 của năm trước năm kế hoạch, phải có thiết kế dự toán, tổng dự toán được duyệt theo quy định), tuân thủ đăng ký kế hoạch đầu tư và được Bộ Tài chính duyệt trong kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm theo hướng dẫn của văn bản này.

Nghiêm cấm khởi công xây dựng công trình không đăng ký kế hoạch đầu tư hàng năm; Nếu chủ đầu tư tự động đầu tư xây dựng thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bộ và Nhà nước về việc làm sai của mình.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ:

II.1. Quy trình lập, đăng ký kế hoạch danh mục và vốn đầu tư, phân bổ kế hoạch đầu tư xây dựng:

A. Điều kiện ghi kế hoạch đầu tư hàng năm:

1. Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư:

Các dự án được ghi vào kế hoạch chuẩn bị đầu tư phải đạt đủ các điều kiện sau:

- Dự án đầu tư phải trong quy hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của hệ thống được Bộ Tài chính phê duyệt;

- Dự án đầu tư thuộc trường hợp ưu tiên đầu tư.

- Có văn bản thoả thuận giới thiệu địa điểm xây dựng công trình của Ủy ban Nhân dân tỉnh (hoặc thành phố trực thuộc Trung ương) sở tại, phù hợp với quy hoạch chung của địa phương đối với trường hợp đầu tư xây dựng trên khu đất mới. Trường hợp xây dựng trên khu đất cũ hiện có, thì diện tích khu đất và quy hoạch của địa phương phải đáp ứng quy mô đầu tư đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Đối với các dự án chuẩn bị thực hiện đầu tư hoặc thực hiện dự án:

Các dự án được ghi vào kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm của Bộ Tài chính (kế hoạch chuẩn bị thực hiện đầu tư hoặc thực hiện đầu tư) phải có đủ điều kiện sau đây:

- Những dự án đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt hoặc những dự án đã được duyệt trong danh mục chuẩn bị đầu tư năm trước.

- Có Quyết định đầu tư xây dựng công trình từ thời điểm trước ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch. Thời gian và vốn bố trí để thực hiện các dự án nhóm B không quá 5 năm, các dự án nhóm C không quá 3 năm.

- Đối với dự án thực hiện dự án (khởi công mới) phải có đất sạch hoặc ít nhất phải giải phóng được một phần đất để xây dựng một hạng mục; có quyết định duyệt thiết kế dự toán.

*** Trường hợp ưu tiên:** - Các công trình do thiên tai, lũ lụt, động đất, sóng thần... gây tổn thất lớn nứt không an toàn khi sử dụng tiếp hoặc làm sập đổ công trình, cần khắc phục ngay hậu quả..., được triển khai ngay công tác chuẩn bị đầu tư và ghi bổ sung kế hoạch đầu tư XDCB.

- Những công trình, đơn vị mới được thành lập chưa có trụ sở làm việc do chia tách địa giới hành chính, những công trình phải di dời do quy hoạch của địa phương.

B. Phạm vi, đối tượng đăng ký kế hoạch đầu tư:

1. Đối tượng áp dụng là các Chủ đầu tư, Các Ban Quản lý Dự án, cơ quan cấp trên của Chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước,...), Học viện Tài chính và các trường thuộc Bộ.

2. Phạm vi: áp dụng cho các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN. Cụ thể:

- Dự án đầu tư xây dựng và các dự án cải tạo, sửa chữa (làm tăng quy mô) được duyệt trong quy hoạch đầu tư hàng năm có tổng mức vốn đầu tư từ 2.000 triệu đồng trở lên: Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ tổng hợp nhu cầu kế hoạch vốn của các đơn vị và đăng ký kế hoạch trình Bộ quyết định;

- Đối với các dự án còn lại: đơn vị lập, đăng ký kế hoạch và trình cấp trên của Chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước,...) quyết định hoặc tự quyết định theo phân cấp.

C. Nội dung, trình tự lập, đăng ký, phân bổ kế hoạch đầu tư hàng năm:

1. Nội dung kế hoạch đầu tư :

- Quy hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của từng hệ thống do Bộ Tài chính phê duyệt, gồm danh mục dự án, loại hình đầu tư (đầu tư xây dựng mới, cải tạo sửa chữa mở rộng nâng cấp), quy mô đầu tư và khái toán vốn đầu tư.

- Kế hoạch chuẩn bị đầu tư bao gồm danh mục dự án và vốn chuẩn bị đầu tư của từng dự án. Chi phí chuẩn bị đầu tư bao gồm vốn đầu tư để thực hiện việc điều tra, khảo sát, lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình, lập dự án đầu tư hoặc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình, thẩm định dự án và quyết định đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng (hoặc giải phóng một phần khu đất, nơi được đầu tư ít nhất một hạng mục).

- Kế hoạch chuẩn bị thực hiện dự án bao gồm danh mục dự án và vốn để thực hiện công tác khảo sát, thiết kế kỹ thuật, các công việc chuẩn bị thực hiện xây dựng và các chi phí khác có liên quan đến chuẩn bị thực hiện dự án đầu tư.

- Kế hoạch thực hiện đầu tư bao gồm danh mục dự án và vốn đầu tư để thực hiện việc mua sắm vật tư thiết bị, xây dựng và các chi phí có liên quan đến đấu thầu và đưa dự án vào khai thác sử dụng.

Kế hoạch đầu tư bao gồm danh mục công trình chuyển tiếp từ năm trước sang, danh mục công trình khởi công mới trong năm kế hoạch và vốn đầu tư bố trí cho từng công trình (bao gồm các nguồn vốn: vốn đầu tư ngân sách tập trung, vốn sự nghiệp của ngành hỗ trợ xây dựng cơ bản, vốn địa phương hỗ trợ xây dựng, nguồn vốn khác ...)

2. Trình tự lập, đăng ký, phân bổ kế hoạch đầu tư hàng năm:

2.1. Kế hoạch đầu tư được lập và trình Bộ qua 3 bước : (kể cả đầu tư xây dựng và cải tạo sửa chữa)

Bước 1: Đăng ký nhu cầu danh mục dự án đầu tư và lập kế hoạch vốn đầu tư của dự án:

a. **Đối với chủ đầu tư:** Đăng ký danh mục dự án đầu tư và kế hoạch vốn cho từng dự án.

Hàng năm trước thời điểm 25/5 của năm trước năm kế hoạch, căn cứ vào quy hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của từng hệ thống được Bộ Tài chính phê duyệt; hồ sơ dự án đầu tư và quyết định duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền; căn cứ vào tiến độ và mục tiêu thực hiện dự án,.. các chủ đầu tư có nhu cầu đầu tư khẩn trương đăng ký nhu cầu danh mục dự án đầu tư (dự án khởi công mới, dự án chuẩn bị đầu tư, dự án chuyển tiếp,...) và lập kế hoạch vốn đầu tư của dự án gửi cơ quan quản lý cấp trên (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) và Vụ Tài Kế hoạch - Bộ Tài chính. Đối với công trình ghi kế hoạch khởi công xây dựng mới đơn vị phải giải trình rõ sự cần thiết phải đầu tư, hướng xử lý trụ sở cũ (nếu đầu tư lại).

Căn cứ vào nhu cầu sửa chữa, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có của cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư lập kế hoạch chi đầu tư bằng nguồn vốn sự nghiệp, nguồn kinh phí hợp pháp khác, gửi cơ quan cấp trên để tổng hợp vào dự toán NSNN theo quy định của Luật NSNN.

b. **Đối với cấp trên chủ đầu tư và khối giáo dục đào tạo thuộc Bộ:**

- **Đăng ký danh mục và kế hoạch vốn đầu tư :** Căn cứ quyết định duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền, tiến độ triển khai thực hiện đầu tư và tình hình

thanh toán vốn đầu tư, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Học viện Tài chính và các trường Đại học, Cao đẳng thuộc Bộ Tài chính lập biểu đăng ký danh mục dự án đầu tư và nhu cầu vốn đầu tư cần bố trí cho từng dự án (bao gồm các nguồn vốn) bố trí cho từng công trình (công trình chuẩn bị đầu tư, công trình chuẩn bị thực hiện đầu tư, công trình thực hiện đầu tư gồm công trình chuyển tiếp và công trình khởi công mới) của hệ thống, của đơn vị và *trình Bộ trước ngày 15 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch. (theo mẫu biểu số 01 đính kèm).*

Yêu cầu:

+ Biểu danh mục công trình phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên (công trình đã hoàn thành còn thiếu vốn thanh toán, công trình có khả năng hoàn thành trong năm kế hoạch, công trình khởi công mới cần thiết cấp bách, công trình chuẩn bị đầu tư).

+ Gửi kèm theo về Bộ các văn bản giải trình về nguồn vốn, thực trạng công trình, sự cần thiết phải đầu tư, và tính khả thi của từng công trình;

c. Bộ Tài chính: tổng hợp sơ bộ nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư (bao gồm các nguồn vốn) báo cáo Bộ xem xét.

Bước 2: Giao số kiểm tra (đối với vốn ngành hỗ trợ đầu tư xây dựng):

a. Bộ Tài chính sẽ giao số kiểm tra cho các hệ thống theo thời gian quy định của Luật NSNN.

b. Sau khi được giao số kiểm tra, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Học viện Tài chính và các trường Đại học, Cao đẳng thuộc Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp đăng ký lại danh mục và nhu cầu vốn đầu tư (Danh mục và kế hoạch vốn từng dự án), *trình Bộ chậm nhất 30 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Tài chính giao số kiểm tra theo mẫu biểu số 01.*

c. Bộ Tài chính căn cứ vào biểu nhu cầu đầu tư của các hệ thống và khối trường, Vụ Kế hoạch – Tài chính (Bộ Tài chính) rà soát và tổng hợp biểu đăng ký danh mục dự án và dự kiến nhu cầu kế hoạch vốn đầu tư của toàn ngành trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định của Luật NSNN.

Bước 3: Phân bổ vốn đầu tư và duyệt kế hoạch vốn đầu tư năm:

a. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách hàng năm, Bộ Tài chính sẽ phân khai vốn bố trí cho từng hệ thống và các trường. Căn cứ trên số vốn được giao, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Học viện Tài chính, các trường Đại học, Cao đẳng thuộc Bộ tiến hành phân bổ kế hoạch vốn cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý đã đủ các điều kiện quy định, đảm bảo khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước; cơ cấu ngành kinh tế; mức vốn các dự án quan trọng của ngành và đúng Nghị quyết Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ về điều hành kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN hàng năm trình Bộ phê duyệt kế hoạch đầu tư *theo mẫu biểu số 02* đính kèm.

a.1. Nguyên tắc lập biểu danh mục và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư:

* Về biểu kế hoạch: phải xác định rõ danh mục công trình theo thứ tự công trình đã hoàn thành trong năm trước, công trình dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch, công trình tiếp tục chuyển tiếp năm sau, công trình khởi công mới (công trình cần thiết, cấp bách...), công trình chuẩn bị đầu tư.

* Về danh mục dự án : đảm bảo các điều kiện của dự án được bố trí kế hoạch vốn đầu tư theo quy định tại mục A nêu trên. Trong đó:

- *Dự án đưa vào kế hoạch đầu tư xây dựng mới hàng năm (các công trình trụ sở làm việc, kho tàng, trường học, ...) phải đáp ứng những điều kiện sau:*

+ Phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt về đầu tư xây dựng mới và cải tạo sửa chữa hoặc những dự án được duyệt trong danh mục chuẩn bị đầu tư năm trước. Thời gian và vốn bố trí để thực hiện các dự án nhóm B không quá 5 năm, các dự án nhóm C không quá 3 năm.

+ Dự án có Quyết định duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế cơ sở, tổng dự toán (hoặc quyết định duyệt báo cáo kinh - tế kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) của cấp có thẩm quyền vào thời điểm đến ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch.

+ Dự án đầu tư xây dựng mới phải ghi rõ lý do đầu tư, hướng xử lý trụ sở cũ (nếu đầu tư lại);

+ Dự án cải tạo, sửa chữa, mở rộng phải nêu rõ nội dung cải tạo, mở rộng.

- *Dự án chuẩn bị đầu tư* : phải được duyệt trong quy hoạch đầu tư của ngành; phải có thoả thuận địa điểm xây dựng của cấp có thẩm quyền; có một trong các văn bản sau đây:

+ Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư;

+ Văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư.

- *Dự án làm công tác chuẩn bị thực hiện dự án*: phải có quyết định duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị thực hiện dự án.

* Về nguyên tắc bố trí vốn:

- Việc bố trí vốn đối với dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước phải được lập theo kế hoạch 5 năm phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành đã được duyệt và được phân ra theo kế hoạch đầu tư từng năm. Riêng kế hoạch vốn đầu tư giai đoạn 2011-2015 lập kế hoạch vốn đầu tư hàng năm đối với năm 2011, năm 2012 và kế hoạch vốn đầu tư 3 năm (2013-2015).

- Bố trí vốn tập trung, có trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối vốn trong năm và các năm tiếp theo. Trong đó ưu tiên tập trung vốn bố trí các công trình trọng tâm trọng điểm của ngành; Ưu tiên bố trí đủ vốn đối ứng cho các công trình có vốn ngoài nước. Bố trí đủ vốn để thanh toán cho các dự án đã đưa

vào sử dụng và đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành mà còn thiếu vốn;

- Đối với các dự án đã hoàn thành năm trước năm kế hoạch (chưa được duyệt quyết toán): được ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ giá trị khối lượng hoàn thành, thanh toán chi phí kiểm toán, thẩm tra phê duyệt quyết toán;

- Đối với các dự án dự kiến hoàn thành trong năm kế hoạch: căn cứ khả năng thực hiện của dự án và khả năng cân đối vốn ưu tiên vốn bố trí để sớm đưa dự án vào khai thác sử dụng;

- Đối với dự án tiếp tục chuyển tiếp năm sau năm kế hoạch: cần phải rà soát chặt chẽ về sự cần thiết tiếp tục triển khai và khả năng cân đối vốn đối với dự án, đảm bảo đủ vốn thi công hoàn thành theo thời gian quy định của Nhà nước (Nhóm C thi công xong trong 3 năm, nhóm B không quá 5 năm).

Trường hợp khả năng cân đối vốn đối với dự án khó khăn phải tạm dừng, giãn hoãn tiến độ thực hiện dự án hoặc trình cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi hình thức đầu tư dự án cho phù hợp;

- Đối với dự án khởi công mới: Số vốn còn lại (nếu có) bố trí cho một số dự án khởi công mới thật sự cần thiết cấp bách; có quyết định đầu tư, thiết kế cơ sở, tổng dự toán được duyệt theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011. Vốn bố trí cho từng dự án khởi công mới phải đảm bảo nguyên tắc tổng số vốn bố trí cho từng dự án mới (gồm vốn đầu tư ngân sách trung ương, nguồn thu sự nghiệp, vốn ngành theo cơ chế hỗ trợ đầu tư, nguồn vốn hợp pháp khác), so với tổng mức vốn đầu tư của dự án được duyệt phải đảm bảo tối thiểu bằng 15% đối với dự án nhóm A; 20% đối với dự án nhóm B; 35% đối với dự án nhóm C;

Riêng việc bố trí kế hoạch giai đoạn 2012-2015 thực hiện theo Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Thời hạn gửi biểu kế hoạch đầu tư (gồm danh mục dự án đầu tư và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư) về Bộ chậm nhất là sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo chỉ tiêu vốn của Bộ.

a.2. Tài liệu kèm theo:

- Đối với các dự án hoàn thành trước ngày 31/12 năm trước năm kế hoạch: gửi kèm theo biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao dự án, công trình hoàn thành, quyết định duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Đối với dự án khởi công mới: quyết định duyệt dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, tổng dự toán.

- Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: Quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư hoặc văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư. Các văn bản thỏa thuận giới thiệu địa điểm xây dựng của địa phương (đối với dự án quy hoạch xây dựng mới) hoặc bản đồ hiện trạng quy hoạch khu đất trụ sở cũ (trường hợp xây dựng, mở rộng trên khu đất cũ).

b. Khi nhận được danh mục đầu tư và kế hoạch phân bổ vốn đầu tư của các hệ thống và các đơn vị, Vụ Kế hoạch – Tài chính - Bộ Tài chính sẽ kiểm tra về các nội dung sau:

- + Việc tuân thủ các thủ tục, điều kiện ghi kế hoạch của từng công trình, từng đơn vị, từng hệ thống.
- + Việc chấp hành nguyên tắc bố trí kế hoạch.
- + Sự khớp đúng các chỉ tiêu cụ thể với tổng mức vốn đầu tư được giao trong năm kế hoạch.

c. Sau khi kiểm tra việc phân bổ danh mục và kế hoạch vốn chi tiết của các hệ thống, Vụ Kế hoạch – Tài chính trình Bộ phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư (bao gồm danh mục và kế hoạch vốn chi tiết của các hệ thống) trước ngày 31/12 năm trước năm kế hoạch gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; Bộ Tài chính giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư năm cho các Chủ đầu tư để thực hiện (đối với các đơn vị thuộc Bộ : các trường thuộc Bộ,...) và uỷ quyền cho cấp trên chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước) giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư năm (trên cơ sở kế hoạch đầu tư hàng năm Bộ đã duyệt) cho các chủ đầu tư thuộc hệ thống dọc để thực hiện (bao gồm tất cả các nguồn vốn: vốn đầu tư ngân sách tập trung, vốn sự nghiệp hỗ trợ đầu tư, vốn khác,...) gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước nơi dự án mở tài khoản để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn cho các dự án, gửi Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để báo cáo. Thời điểm **thông báo kế hoạch vốn đầu tư cho các Chủ đầu tư chậm nhất là vào đầu tháng 1 của năm kế hoạch.**

d. Về việc giao dự toán chi NSNN nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng hoặc từ các nguồn vốn hợp pháp và các quỹ theo quy định của pháp luật được phép hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất và theo quy định của Quyết định số 148/QĐ-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phân cấp, uỷ quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Bộ Tài chính quyết định giao tổng dự toán chi ngân sách Nhà nước (phần đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa, nâng cấp trụ sở) cho các hệ thống (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,...) và các trường thuộc Bộ trên cơ sở đảm bảo theo đúng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được Bộ duyệt (Giao 1 lần cho cả năm).

- Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Chủ tịch ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt giao dự toán chi ngân sách Nhà nước (phần đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa, nâng cấp trụ sở) cho Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Giám đốc Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố; Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước khu vực chi tiết đến từng dự án đảm bảo theo đúng

kế hoạch đầu tư xây dựng Bộ duyệt và chịu trách nhiệm thông báo kế hoạch vốn cho từng dự án thuộc phạm vi quản lý theo **biểu mẫu thông báo số 07- TBKH đính kèm**. Thời gian duyệt giao dự toán chậm nhất là đầu tháng 1 của năm kế hoạch.

2.2. Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung:

Các hệ thống và các đơn vị chủ động rà soát tiến độ thực hiện kế hoạch trong năm của từng công trình, đối chiếu với số vốn kế hoạch đã bố trí, trình Bộ duyệt điều chỉnh hoặc bổ sung kế hoạch vốn vào tháng 6 và tháng 10 hàng năm để kịp thời điều chuyển vốn từ các dự án không có khả năng thực hiện đúng kế hoạch sang các dự án thực hiện vượt tiến độ kế hoạch hoặc các dự án có khả năng hoàn thành vượt kế hoạch trong năm, đảm bảo vốn bố trí và thanh toán phù hợp với thực tế thực hiện, không để xảy ra tình trạng bị thu hồi vốn kế hoạch ngân sách tập trung do công trình không thực hiện và thanh toán hết vốn kế hoạch ngân sách tập trung.

Trước khi đề nghị điều chỉnh kế hoạch vốn cho từng dự án các chủ đầu tư phải làm việc với Kho Bạc Nhà nước nơi mở tài khoản để xác định số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, số vốn còn thừa do không thực hiện được.

Trường hợp sau khi điều chỉnh mà còn thừa vốn so với kế hoạch giao thì số vốn thừa được điều chỉnh cho đơn vị khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

a. Kế hoạch điều chỉnh và điều chuyển vốn:

Khi có nhu cầu điều chuyển kế hoạch vốn, chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị cấp trên của chủ đầu tư và đề nghị Bộ điều chỉnh kế hoạch vốn cho công trình. Cơ quan cấp trên tổng hợp toàn hệ thống và đề nghị Bộ điều chỉnh và điều chuyển kế hoạch của hệ thống mình (bao gồm mọi nguồn vốn) (**theo mẫu biểu số 03 - KHĐC đính kèm**). số liệu trên biểu phải thể hiện được các nội dung chính sau:

+ Kế hoạch được giao đầu năm gồm: tổng số vốn và các nguồn vốn vốn đã giao, phân bổ vốn.

+ Kế hoạch điều chỉnh, điều chuyển: tổng số vốn và các nguồn vốn đề nghị điều chỉnh, điều chuyển.

+ Danh mục được sắp xếp theo thứ tự: Công trình điều chuyển vốn (gồm danh mục công trình điều chuyển vốn đi, danh mục công trình điều chuyển vốn đến).

b. Kế hoạch bổ sung vốn:

- Khi có nhu cầu bổ sung vốn thanh toán cho khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn thanh toán chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và đề nghị Bộ bổ sung kế hoạch vốn cho công trình. Đối với chủ đầu tư là các trường thuộc Bộ thì chủ đầu tư có văn bản đề nghị gửi trực tiếp về Bộ. Cơ quan cấp trên (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) tổng hợp toàn hệ thống

và lập biểu trình Bộ nhu cầu bổ sung vốn thanh toán cho khối lượng hoàn thành còn thiếu vốn thanh toán (*mẫu biểu 04 - BSV đính kèm*), gồm các nội dung sau:

+ Kế hoạch được giao đầu năm gồm: tổng số vốn và các nguồn vốn vốn đã giao, phân bổ vốn theo từng nguồn vốn.

+ Giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành lũy kế từ khởi công.

+ Số vốn đã cấp lũy kế từ khởi công.

+ Giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán còn thiếu vốn, đề nghị được bổ sung.

Lưu ý: Giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán không được vượt tổng dự toán hoặc tổng mức đầu tư đã phê duyệt.

- Khi có vốn bổ sung cơ quan cấp trên của chủ đầu tư tiến hành phân bổ vốn bổ sung và trình Bộ duyệt. (*mẫu biểu số 05 - KHBS đính kèm*).

Việc bổ sung nguồn vốn khác (vốn ngành theo cơ chế, vốn sự nghiệp...) hỗ trợ cho XDCB: nếu việc bổ sung cho nội dung chi đầu tư làm thay đổi các nội dung chi đã được Bộ Tài chính thẩm định nhưng không vượt tổng hợp dự toán ngân sách được giao của hệ thống, thì Tổng cục Thuế, Tổng Cục Hải quan, Kho bạc nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, UBCKNN ... phải có văn bản trình Bộ xem xét quyết định; trường hợp bổ sung nội dung chi đầu tư làm phát sinh vượt tổng dự toán được giao, thì thủ trưởng các hệ thống phải có văn bản báo cáo Bộ đề trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

- Nguyên tắc phân bổ vốn bổ sung:

+ Đối với công trình hoàn thành đã duyệt quyết toán: tổng số vốn cấp cho công trình (Vốn bổ sung + vốn đã cấp trước đây) bằng giá trị quyết toán được duyệt.

+ Đối với công trình hoàn thành chưa duyệt quyết toán: tổng số vốn cấp cho công trình bằng 90% giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán (trong đó giá trị xây lắp bằng giá trị trúng thầu xây lắp).

+ Đối với công trình đang thi công dở dang có khối lượng thực hiện nhỏ hơn tổng dự toán được duyệt: tổng số vốn cấp cho công trình bằng khối lượng thực hiện.

c. Bổ sung danh mục công trình :

Các công trình xin bổ sung danh mục là các công trình thuộc diện ưu tiên có đủ điều kiện ghi kế hoạch đầu tư và có nguồn vốn bố trí kế hoạch (*mẫu biểu 06 - KH BSDA đính kèm*).

d. Thời hạn điều chỉnh, điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư hàng năm:

Bộ Tài chính điều chỉnh kế hoạch đầu tư 2 đợt vào tháng 6 và tháng 11 hàng năm (trừ những trường hợp đặc biệt cần thiết sẽ được điều chỉnh vào đợt khác trong năm). Riêng việc điều chỉnh kế hoạch vào đợt tháng 11 của năm được quy định như sau:

- Chủ đầu tư trình Bộ điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư của dự án chậm nhất là ngày 15/10 năm kế hoạch.

- Các Tổng cục (Thuế, Hải quan, Dự trữ Nhà nước), Kho bạc Nhà nước, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tổng hợp nhu cầu điều chỉnh kế hoạch của hệ thống, trình Bộ (qua Vụ kế hoạch – Tài chính) chậm nhất là ngày 30/10 năm kế hoạch.

- Vụ Kế hoạch – Tài chính trình Bộ phê duyệt kế hoạch chậm nhất là ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch.

D. Nhập TABMIS kế hoạch đầu tư hàng năm :

Sau khi kế hoạch vốn đầu tư hoặc kế hoạch đầu tư điều chỉnh, bổ sung (nếu có) được phê duyệt, Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) nhập TABMIS các dự án trong toàn ngành. Đối với các dự án của hệ thống thuế, hải quan, dự trữ, kho bạc, chứng khoán theo phân cấp phê duyệt kế hoạch đầu tư của Tổng cục trưởng, Tổng Giám đốc, Chủ tịch: Các đơn vị phải gửi Kế hoạch đầu tư đã phê duyệt theo phân cấp về Vụ Kế hoạch - Tài chính để làm căn cứ nhập dự toán chi vào Tabmis.

Nếu 01 dự án đầu tư có 2 nguồn vốn: đối với nguồn vốn đầu tư NSTT nhập theo dự toán chi đầu tư, đối với nguồn vốn khác nhập vào dự toán chi phí thường xuyên. Việc nhập dự toán chi NSNN vào hệ thống Tabmis theo kế hoạch đầu tư giao đầu năm phải hoàn thành trong tháng 01 của năm sau.

E. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư :

Các chủ đầu tư, cấp trên của chủ đầu tư báo cáo Bộ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước và văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời định kỳ hàng quý, 6 tháng và cả năm vào tuần đầu của kỳ báo cáo về các mặt khối lượng xây dựng, chất lượng xây dựng và sự cố công trình (nếu có), cấp phát, thanh toán, báo cáo tình hình phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành quý, năm của hệ thống theo biểu mẫu quy định; báo cáo công tác đấu thầu; báo cáo tiết kiệm trong đầu tư xây dựng cơ bản quý, năm của hệ thống (xem chế độ báo cáo tại phần II.2, II.3, II.4 và biểu mẫu báo cáo đính kèm).

G. Quản lý lập và thực hiện kế hoạch đầu tư:

1. Trách nhiệm Chủ đầu tư:

- Đăng ký danh mục và kế hoạch vốn đầu tư, kế hoạch cải tạo sửa chữa với cơ quan cấp trên và Bộ Tài chính (*Thời hạn gửi trước ngày 25 tháng 5 năm trước năm kế hoạch*). Gửi đề nghị duyệt kế hoạch điều chuyển, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) theo đúng thời gian quy định (tháng 10 năm kế hoạch).

- Lập và gửi hồ sơ dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật về cấp trên chủ đầu tư (Tổng cục Thuế đối với hệ thống Thuế, Kho bạc Nhà nước đối với hệ thống Kho bạc, Tổng cục Hải quan đối với hệ thống Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước đối với hệ thống Dự trữ Nhà nước, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước) theo đúng thời gian quy định : *thời gian gửi hồ sơ DADT chậm nhất là ngày 30 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch,*

- *Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư, chi phí chuẩn bị thực hiện dự án; thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán theo đúng quy định và gửi các Quyết định phê duyệt về cấp trên chủ đầu tư và Bộ Tài chính chậm nhất là ngày 31/10 năm kế hoạch.*

- Thực hiện theo đúng kế hoạch được giao. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc phải báo cáo ngay cho cơ quan cấp trên của chủ đầu tư và Bộ Tài chính biết để có biện pháp tháo gỡ giải quyết. Nếu chủ đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện không hết kế hoạch được giao phải báo cáo cơ quan cấp trên của Chủ đầu tư và Bộ Tài chính để điều chuyển cho công trình khác, nếu đơn vị không báo cáo, bị thu hồi vốn ngân sách tập trung hoặc không giải ngân được vốn đã bố trí, phải chịu trách nhiệm trước Bộ.

2. Trách nhiệm cấp trên Chủ đầu tư:

Tổng Cục thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước là cấp trên của Chủ đầu tư các dự án đầu tư thuộc hệ thống Thuế, hệ thống Kho bạc Nhà nước, hệ thống Hải quan, hệ thống Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được Bộ ủy quyền một phần quyết định đầu tư, có trách nhiệm:

- Kiểm tra sự cần thiết đầu tư .

- Rà soát, tổng hợp danh mục khởi công mới và công trình chuẩn bị đầu tư; lập biểu đăng ký kế hoạch đầu tư, kế hoạch chuẩn bị đầu tư theo đúng trình tự, thời gian, điều kiện ghi kế hoạch và đúng mẫu biểu quy định, trình Bộ phê duyệt. (có văn bản thuyết minh giải trình về nguồn vốn, thực trạng công trình, sự cần thiết phải đầu tư, và tính khả thi của từng công trình).

- Trình Bộ biểu kế hoạch điều chuyển vốn, điều chỉnh thành phần vốn, bổ sung theo đúng biểu mẫu và thời gian quy định.

- Phê duyệt hoặc phân cấp phê duyệt kế hoạch (Vốn đầu tư và danh mục dự án) đầu tư hàng năm đối với các dự án đầu tư và các dự án cải tạo sửa chữa trong hệ thống (trừ các dự án thuộc thẩm quyền Bộ phê duyệt kế hoạch) theo quy định tại điểm 2.2 Điều 2 của Quyết định số 148/QĐ-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp, ủy quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng, kiểm tra, kiểm toán nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin, đấu thầu, mua sắm tập trung trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, dự án vay nợ, viện trợ thuộc Bộ Tài chính, gửi các quyết định phê duyệt về Bộ (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính).

- Duyệt văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư cho các công trình được Bộ thông báo danh mục chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện đầu tư (các dự án thuộc diện phân cấp cho Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước Trung ương, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán...) theo đúng thời gian quy định. Thời gian gửi các quyết định về Bộ là ngày 31 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch.

- Duyệt và gửi về Bộ các quyết định duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình (bao gồm xây dựng mới và cải tạo, sửa

chữa trụ sở làm việc, kho dự trữ,... thuộc diện phân cấp cho Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước Trung ương, Tổng cục Hải quan, Cục Dự trữ Quốc gia, Ủy ban Chứng khoán...) theo đúng thời gian quy định. Thời gian gửi quyết định dự án đầu tư về Bộ là ngày 31 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch để phục vụ việc bảo vệ dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư năm kế hoạch. Chậm nhất là ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch phải duyệt và gửi về Bộ Quyết định dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) của toàn bộ dự án đăng ký kế hoạch khởi công mới; tài liệu về đất, dự toán chuẩn bị đầu tư hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền cho phép chuẩn bị đầu tư đối với dự án đăng ký kế hoạch chuẩn bị đầu tư; biên bản nghiệm thu, biên bản bàn giao dự án, công trình hoàn thành đối với các dự án đã hoàn thành năm trước (chưa duyệt quyết toán) và quyết định duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với dự án hoàn thành đã duyệt quyết toán.

- Gửi về Bộ hồ sơ dự án đầu tư, các công trình chưa được Bộ phân cấp (thời hạn chậm nhất là ngày 31 tháng 7 năm trước năm kế hoạch).

- Đôn đốc các chủ đầu tư thuộc hệ thống đăng ký kế hoạch đầu tư, kế hoạch điều chỉnh, bổ sung theo đúng thời gian yêu cầu và thực hiện đúng kế hoạch được giao. Phát hiện những đơn vị không tuân thủ kế hoạch đầu tư và báo cáo Bộ.

- Chịu trách nhiệm giao dự toán ngân sách nhà nước (chi đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa nâng cấp trụ sở,...) cho các đơn vị trực thuộc chi tiết đến từng dự án đảm bảo theo đúng kế hoạch đầu tư xây dựng Bộ duyệt; thông báo chi tiêu kế hoạch khối lượng của từng dự án trong kế hoạch đầu tư năm hoặc kế hoạch điều chỉnh bổ sung (Nguồn vốn đầu tư ngân sách tập trung) cho Chủ đầu tư và Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản để làm căn cứ theo dõi, căn cứ kiểm soát, thanh toán, đồng gửi Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để báo cáo.

- Không được phép cho đầu tư khởi công xây dựng công trình trước khi đăng ký kế hoạch đầu tư hàng năm và được Bộ Tài chính phê duyệt. Nghiêm cấm hiện tượng công trình đã khởi công xây dựng năm trước năm sau mới trình Bộ ghi kế hoạch đầu tư. Nếu cơ quan cấp trên chủ đầu tư tự quyết định ghi kế hoạch thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện đầu tư theo đúng mẫu biểu báo cáo và thời gian quy định.

- Gửi về Bộ Tài chính các biểu kế hoạch và các biểu báo cáo bằng văn bản và đĩa mềm kèm theo.

3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính):

- Rà soát, kiểm tra sự cần thiết phải đầu tư của các danh mục đăng ký kế hoạch đầu tư của các hệ thống, các đơn vị.

- Tổng hợp và trình Bộ đăng ký kế hoạch đầu tư hàng năm của toàn ngành với Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng thời gian quy định.

- Trình Bộ duyệt kế hoạch vốn đầu tư, duyệt điều chỉnh và bổ sung kế hoạch vốn đầu tư hàng năm của các dự án của các hệ thống và các đơn vị thuộc

Bộ thuộc thẩm quyền Bộ duyệt theo quy định tại Điểm 1.4 Điều 2 Quyết định số 148/QĐ-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nhập TABMIS các dự án được duyệt kế hoạch đầu tư năm của toàn ngành.

- Thực hiện chế độ báo cáo thực hiện đầu tư theo đúng mẫu biểu và thời gian quy định.

II.2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ:

A. Điều kiện để được thanh toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng:

Các dự án đầu tư được thanh toán vốn ngân sách nhà nước khi có đủ các điều kiện: phải có đủ thủ tục đầu tư và xây dựng, được bố trí vào kế hoạch đầu tư hàng năm của Nhà nước và có đủ điều kiện thanh toán khối lượng hoàn thành vốn theo quy định của Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 14/12/2011 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và hướng dẫn của Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính và được cụ thể tại văn bản hướng dẫn này.

B. Trình tự, thủ tục thanh toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước:

B.1. Trình tự:

- Mở tài khoản;
- Gửi tài liệu cơ sở của dự án cho KBNN nơi mở tài khoản;
- Tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng (nếu có).
- Thanh toán khối lượng hoàn thành (Khi có khối lượng hoàn thành nghiệm thu, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi KBNN nơi mở tài khoản để thanh toán vốn);

B.2. Thủ tục thanh toán vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư như sau:

1. THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ:

1.1. Mở tài khoản:

a. Đối với vốn trong nước:

Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho giao dịch của chủ đầu tư và thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán của Kho bạc nhà nước và thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

Kho bạc nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn.

b. Đối với vốn ngoài nước:

Chủ đầu tư được mở tài khoản tại ngân hàng phục vụ hoặc tại Kho bạc nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

1.2. Cung cấp tài liệu cơ sở cho KBNN (có đủ thủ tục đầu tư và xây dựng)

Chủ đầu tư phải gửi đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các tài liệu cơ sở của dự án (các tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải điều chỉnh, bổ sung), bao gồm:

a. Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;
- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;
- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

b. Đối với dự án thực hiện đầu tư:

b.1. Đối với dự án vốn trong nước:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật đấu thầu (gồm đấu thầu, chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, chào hàng cạnh tranh, tự thực hiện và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng);

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với các gói thầu chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật).

b.2. Đối với dự án ODA: ngoài các tài liệu quy định nêu trên, cần có:

- Bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư: Điều ước quốc tế về ODA đã ký giữa Việt Nam và nhà tài trợ và các tài liệu liên quan đến việc thanh toán khác (nếu có). Riêng hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải là văn bản bằng tiếng Việt hoặc bản dịch bằng tiếng Việt có chữ ký và dấu của chủ đầu tư (phân quy định về các điều kiện, điều khoản thanh toán và các nội dung liên quan trực tiếp đến việc thanh toán của hợp đồng). Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn, chính xác về nội dung bản dịch tiếng Việt.

- Bảo lãnh tạm ứng (nếu có) theo quy định cụ thể của hợp đồng (kể cả trường hợp dự án vốn trong nước nhưng do nhà thầu nước ngoài thi công).

c. Đối với công tác chuẩn bị đầu tư nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư cần có dự toán chi phí cho các công việc chuẩn bị đầu tư được duyệt.

d. Đối với công việc chuẩn bị thực hiện dự án nhưng bố trí vốn trong kế hoạch thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị thực hiện dự án được duyệt; Riêng việc giải phóng mặt bằng phải kèm theo phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu và các tài liệu kèm theo hợp đồng theo quy định của pháp luật (trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật).

e. Đối với trường hợp tự thực hiện:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế-kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật).

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

- Văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ;

1.3. Thanh toán tạm ứng: (theo quy định tại Điều 29 Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ và quy định chi tiết tại Điều 10 Thông tư 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính, văn bản số 16989/BTC-ĐT ngày 13/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thanh toán vốn đầu tư từ năm 2012).

Việc tạm ứng vốn của chủ đầu tư cho nhà thầu chỉ cho các công việc cần thiết phải tạm ứng trước và phải được quy định rõ đối tượng, nội dung và công việc cụ thể trong hợp đồng. Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng phải theo quy định của Nhà nước đối với từng loại hợp đồng cụ thể như sau:

a. Mức vốn tạm ứng:

a.1. Đối với hợp đồng thi công xây dựng:

- Hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 15% giá trị hợp đồng;

- Hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng, mức tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

a.2. Đối với hợp đồng cung cấp thiết bị công nghệ, hợp đồng EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác: mức tạm ứng tối thiểu bằng 10% giá trị hợp đồng.

a.3. Đối với hợp đồng tư vấn:

Mức tạm ứng tối thiểu bằng 25% giá trị hợp đồng.

a.4. Mức tạm ứng tối đa của các loại hợp đồng trên là 50% giá trị hợp đồng. Trường hợp đặc biệt cần tạm ứng với mức cao hơn phải được người quyết định đầu tư cho phép.

a.5. Đối với công việc giải phóng mặt bằng: Mức vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện trong kế hoạch giải phóng mặt bằng.

a.6. Ngoài mức vốn ứng tối đa theo các hợp đồng nêu trên, đối với một số cấu kiện, bán thành phẩm trong xây dựng có giá trị lớn phải được sản xuất trước để đảm bảo tiến độ thi công và một số loại vật tư phải dự trữ theo mùa, mức vốn tạm ứng theo nhu cầu cần thiết và do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu.

a.7. Tổng mức vốn tạm ứng của các hợp đồng thực hiện trong năm tối đa là 30% kế hoạch vốn giao hàng năm cho dự án. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm xác định mức tạm ứng cho từng hợp đồng cụ thể, đảm bảo mức tạm ứng của dự án theo quy định nêu trên.

Trường hợp dự án được bố trí kế hoạch vốn mà mức vốn tạm ứng không đủ theo hợp đồng, sau khi đã thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi toàn bộ hoặc một phần số vốn đã tạm ứng lần trước, theo đề nghị của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước tạm ứng tiếp cho dự án (tổng số vốn đã tạm ứng không vượt mức quy định của hợp đồng). Tổng số dư vốn tạm ứng chưa thu hồi tối đa là 30% kế hoạch vốn giao hàng năm hoặc kế hoạch điều chỉnh (nếu có) cho dự án. Việc thanh toán và tạm ứng tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi thanh toán khối lượng hoàn thành.

Nếu mức vốn đã tạm ứng chưa thu hồi cao hơn 30% kế hoạch điều chỉnh, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi để đảm bảo tổng số dư vốn tạm ứng tối đa là 30% kế hoạch vốn điều chỉnh của dự án.

a.8. Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực; trường hợp trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng thì nhà thầu phải có bảo lãnh khoản tiền tạm ứng.

b. Thu hồi vốn tạm ứng:

b.1. Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thu hồi từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng.

b.2. Đối với công việc giải phóng mặt bằng:

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng

trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng.

- Đối với việc mua nhà tái định cư và các công việc giải phóng mặt bằng khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc giải phóng mặt bằng.

c. Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý việc sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định.

Trường hợp vốn tạm ứng chưa thu hồi nhưng không sử dụng, nếu quá thời hạn 6 tháng quy định trong hợp đồng phải thực hiện khối lượng mà nhà thầu chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà nhà thầu sử dụng sai mục đích chủ đầu tư có trách nhiệm cùng Kho bạc nhà nước thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

d. Hồ sơ thanh toán tạm ứng:

Đề được thanh toán tạm ứng, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc nhà nước các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Chứng từ chuyên tiền;
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng), chủ đầu tư gửi Kho bạc nhà nước bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.

e. Nhà nước cấp vốn cho chủ đầu tư để thanh toán tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau). Chủ đầu tư có thể được thanh toán tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng thì chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

1.4. Thanh toán khối lượng hoàn thành :

(Theo quy định chi tiết tại Điều 11 Thông tư 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính).

a. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng:

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng.

a.1. Đối với hợp đồng trọn gói:

Thanh toán theo tỉ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng.

a.2. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng.

a.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thoả thuận trong của hợp đồng.

a.4. Đối với hợp đồng theo thời gian:

- Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ).

- Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng.

a.5. Đối với hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%):

Thanh toán theo tỷ lệ (%) của giá hợp đồng. Tỷ lệ (%) cho các lần thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Khi bên nhận thầu hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo hợp đồng, bên giao thầu thanh toán cho bên nhận thầu số tiền bằng tỷ lệ (%) giá trị công trình hoặc giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được quy định trong hợp đồng.

a.6. Đối với hợp đồng kết hợp các loại giá hợp đồng:

Việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng theo quy định tại khoản a.1, a.2, a.3, a.4, a.5 trên đây.

a.7. Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng:

Việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo các thoả thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bổ sung công việc phát sinh thì chủ đầu tư và nhà thầu phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng theo nguyên tắc sau đây:

- Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh;

- Trường hợp khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán;

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo thời gian thì khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Pháp lệnh giá có biến động bất thường hoặc khi nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở điều chỉnh đơn giá nếu được phép của cấp quyết định đầu tư và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng;

- Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Đối với hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo tỷ lệ (%): trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn là khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng mà không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành;

a.8. Hồ sơ thanh toán:

Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc nhà nước, bao gồm:

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu.

Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc thanh toán tạm ứng.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

b. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng:

b.1. Đối với các công việc của dự án được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, trường hợp tự làm,...), việc thanh toán trên cơ sở bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc. Hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

b.2. Đối với chi phí đền bù, bồi thường hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê xác nhận khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng đã thực hiện; hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng). Riêng chi phí cho công tác tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng phải có dự toán được duyệt; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

Đối với công tác đền bù, bồi thường hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình.

2. THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẶC THÙ:

Loại công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, công trình tạm theo quy định tại điều 2 Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù:

2.1. Công trình bí mật nhà nước:

a. **Việc quản lý đầu tư xây dựng** các công trình bí mật nhà nước thực hiện theo Nghị định 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Việc lập kế hoạch, phân bổ, thẩm tra phân bổ vốn và thông báo vốn đầu tư; kiểm soát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các công trình bí mật nhà nước thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN.

b. Lập kế hoạch, phân bổ và thông báo vốn đầu tư:

- Việc lập kế hoạch, phân bổ, thẩm tra phân bổ vốn và thông báo vốn đầu tư thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN, trong đó phân rõ danh mục và vốn của các dự án bí mật nhà nước.

c. Chuyển vốn, cấp phát, thanh toán vốn:

- Việc chuyển vốn, cấp phát, thanh toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN.

- Đối với các dự án bí mật nhà nước của Bộ quản lý, Kho bạc nhà nước chỉ nhận chứng từ rút vốn và chuyển tiền theo đề nghị của chủ đầu tư mà không kiểm soát về nội dung. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội dung thanh toán.

2.2. Công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp:

a. Việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình theo lệnh khẩn cấp thực hiện theo Nghị định 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về Quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

b. **Thanh toán tạm ứng:** Mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN. Hồ sơ để thanh toán tạm ứng vốn bao gồm:

- Quyết định xây dựng công trình khẩn cấp của người có thẩm quyền;
- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Chứng từ chuyển tiền.
- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng);

c. **Thanh toán khối lượng hoàn thành:** thực hiện theo quy định như đối với vốn đầu tư nguồn NSNN.

2.3. Công trình tạm:

Việc quản lý tạm ứng, thanh toán vốn cho các công trình tạm được thực hiện theo quy định như đối với đầu tư nguồn NSNN và bổ sung như sau:

- Trường hợp đối với các công trình có quy mô lớn, phức tạp mà chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được lập dự toán thì kiểm soát thanh toán theo dự toán được duyệt; ngoài các hồ sơ tài liệu của dự án, hồ sơ thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt kèm theo dự toán được duyệt, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Chứng từ chuyển tiền.

Trường hợp chi phí lán trại, nhà ở, nhà điều hành thi công trên công trường được tính theo tỷ lệ % trong hợp đồng xây dựng thì được thanh toán theo tỷ lệ quy định và thanh toán theo hợp đồng không thực hiện theo quy định trên.

3. QUẢN LÝ, THANH TOÁN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ:

3.1. Sử dụng vốn:

Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong dự toán NSNN của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp trong ngành tài chính chỉ được sử dụng cho các trường hợp đầu tư cải tạo mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp). Không bố trí vốn sự nghiệp cho các dự án đầu tư mới.

3.2. Lập kế hoạch, phân bổ và thông báo vốn:

Việc lập kế hoạch, phân bổ, thẩm tra và thông báo vốn thực hiện theo quy định của Luật NSNN và hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với vốn sự nghiệp.

3.3. Tạm ứng, thanh toán vốn:

a. Tài liệu cơ sở:

- Các dự án có mức vốn từ 1 tỷ đồng trở lên, tài liệu cơ sở như đối với dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Các dự án có mức vốn dưới 1 tỷ đồng, tài liệu cơ sở bao gồm:

+ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật và quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật hoặc dự toán và quyết định phê duyệt thiết kế-dự toán (không bắt buộc phê duyệt trước 31/10 năm trước năm kế hoạch);

+ Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

+ Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

b. Tạm ứng vốn:

- Đối với các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỷ đồng trở lên, mức vốn tạm ứng và thu hồi vốn ứng được thực hiện như đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển.

- Đối với các dự án có tổng mức vốn dưới 01 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 30% giá trị hợp đồng hoặc dự toán được duyệt. Vốn tạm ứng thu hồi dần vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng hoặc dự toán được duyệt.

- Hồ sơ tạm ứng vốn gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, Chứng từ chuyển tiền, Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (nếu trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng).

- Việc quản lý tạm ứng vốn được thực hiện theo quy định tại Điều 10 thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2001 (và tại điểm 1.3 mục B.2 nêu trên).

c. Thanh toán vốn:

- Đối với các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỷ đồng trở lên, việc kiểm soát, thanh toán vốn thực hiện theo quy định như đối với dự án đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN.

- Đối với các dự án có tổng mức vốn dưới 1 tỷ đồng, việc kiểm soát, thanh toán vốn thực hiện theo quy định hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua KBNN.

d. Chế độ báo cáo, quyết toán và kiểm tra:

Thực hiện như quy định đối với vốn sự nghiệp. Riêng việc quyết toán đối với các dự án có tổng mức vốn từ 01 tỷ đồng trở lên, thực hiện như quy định đối với vốn đầu tư.

B.3. Thời hạn, hình thức thanh toán, nguyên tắc kiểm soát của KBNN:

1. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Kho bạc nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng (số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán và các điều kiện thanh toán) và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình; Kho bạc nhà

nước không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Kho bạc nhà nước căn cứ vào hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

2. Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán và “kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với trường hợp “kiểm soát trước, thanh toán sau” và trong 03 ngày làm việc đối với trường hợp “thanh toán trước, kiểm soát sau” kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, Kho bạc nhà nước kiểm soát, cấp vốn thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định.

4. Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đến ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch; thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng), trừ các dự án được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán.

5. Các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nếu Điều ước quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết có những quy định về quản lý thanh toán, quyết toán vốn khác với các quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định tại Điều ước quốc tế.

6. Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án. Riêng đối với dự án ODA việc thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành, không bị hạn chế bởi kế hoạch tài chính hàng năm của dự án nhưng không vượt quá kế hoạch tài chính chung của toàn dự án.

Lưu ý:

- Việc quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán nguồn vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau cho các dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính.

- Quy định kéo dài kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn đầu tư XDCCB (gồm cả vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch hàng năm và vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau) được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính.

- Chủ đầu tư phải bố trí đủ vốn trong kế hoạch hàng năm để mua bảo hiểm công trình xây dựng. Nhà nước không thanh toán cho chủ đầu tư để bù đắp các chi phí thiệt hại, rủi ro thuộc phạm vi bảo hiểm nếu chủ đầu tư không mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

- Đối với một số dự án đặc biệt quan trọng cần phải có cơ chế tạm ứng, thanh toán vốn khác với các quy định trên đây, sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

Vì lý do nào đó mà chủ đầu tư không được cấp phát, thanh toán vốn thì chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo, phản ánh về Bộ để kịp thời tháo gỡ, xử lý vướng mắc.

B.4. Chế độ báo cáo:

Các Chủ đầu tư, cấp trên chủ đầu tư, Bộ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước; Thông tư số 05/2007/TT-BKH ngày 9/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007; Quyết định số 803/2007/QĐ-BKH ngày 30/7/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình dự án ODA. Thông tư số 50/2011/TT-BTC ngày 21/4/2011 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

1. Đối với Chủ đầu tư:

- Định kỳ trước 7 sau ngày kết thúc quý, chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện đầu tư, tình hình thanh toán vốn của dự án gửi Kho bạc Nhà nước (cơ quan thanh toán vốn), gửi cơ quan cấp trên là Kho bạc Nhà nước (đối với hệ thống KBNN), Tổng cục Thuế (đối với hệ thống thuế), Tổng cục Hải quan (đối với hệ thống Hải quan), Tổng cục Dự trữ Nhà nước (đối với hệ thống Dự trữ Nhà nước), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (đối với hệ thống dọc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) và gửi Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính). Riêng đối với các dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A, chủ đầu tư gửi báo cáo vào ngày 20 hàng tháng cho Bộ (Vụ Kế hoạch – Tài chính), Bộ kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Kết thúc năm kế hoạch, trước ngày 20 tháng 01 năm sau chủ đầu tư lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư trong năm gửi Kho bạc Nhà nước, cơ quan cấp trên chủ đầu tư và Bộ Tài chính.

Báo cáo thực hiện vốn đầu tư trong năm phải phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, kết quả đầu tư trong năm, các vấn đề tồn tại và kiến nghị biện pháp giải quyết.

- Hết năm kế hoạch, chủ đầu tư lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư cho từng dự án về số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ NSNN, gửi Kho bạc nhà nước xác nhận.

2. Đối với cấp trên Chủ đầu tư:

Hàng quý và kết thúc năm kế hoạch, cơ quan cấp trên chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng cục Dự trữ Nhà nước) tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư của các đơn vị thuộc hệ thống gửi Bộ Tài

chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để Bộ báo cáo các cơ quan chức năng theo quy định. Chậm nhất là trước ngày 15 sau ngày kết thúc quý đối với báo cáo quý và trước ngày 01/02 năm sau đối với báo cáo năm.

3. Đối với Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính):

Trước ngày 20 sau ngày kết thúc quý và trước ngày 10/02 năm sau Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư của các dự án trong ngành gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Xây dựng theo quy định.

B.5. Kiểm tra:

Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và việc chấp hành chế độ chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước.

B.6. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan :

1. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ đầu tư:

1.1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định. Tiếp nhận và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư phát triển.

1.2. Thực hiện việc nghiệm thu khối lượng, lập hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng.

1.3. Chủ đầu tư bố trí đủ vốn trong kế hoạch hàng năm để mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định.

1.4. Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán của các loại công việc, chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh quyết toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước.

1.5. Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc nhà nước và các cơ quan tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của nhà nước.

1.6. Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng của các nhà thầu, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện ứng vốn cho các nhà thầu.

Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý chặt chẽ, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả và có trách nhiệm hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng.

1.7. Thực hiện kế toán đơn vị chủ đầu tư; quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành (theo hướng dẫn tại mục II.3 của hướng dẫn này). Hết năm kế

hoạch, lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư năm gửi Kho bạc nơi chủ đầu tư giao dịch để xác nhận.

1.8. Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc thanh toán vốn.

1.9. Trường hợp quyết toán đã được duyệt, nếu số vốn được quyết toán thấp hơn số vốn đã thanh toán cho dự án, chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi lại của nhà thầu để trả cho Nhà nước số vốn đã thanh toán thừa; nếu số vốn được quyết toán cao hơn số vốn đã thanh toán, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiếp hoặc bố trí vốn vào kế hoạch năm sau để thanh toán cho nhà thầu (việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn mục II.4 của hướng dẫn này: quyết toán dự án hoàn thành).

Kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên chủ đầu tư và Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) những vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện và giải ngân thanh toán vốn đầu tư.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của cấp trên chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước):

2.1. Tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư của hệ thống theo đúng biểu mẫu và thời gian quy định của hướng dẫn này.

2.2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ của Nhà nước.

2.3. Trên cơ sở báo cáo đề nghị của chủ đầu tư về những vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện và giải ngân thanh toán vốn đầu tư, Cơ quan cấp trên chủ đầu tư chủ động xử lý vướng mắc tồn tại của Chủ đầu tư theo thẩm quyền hoặc báo cáo Bộ (Vụ Kế hoạch – Tài chính) xử lý, kịp thời giải quyết khó khăn cho đơn vị.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính):

3.1. Tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư của toàn ngành theo đúng biểu mẫu và thời gian quy định của hướng dẫn này.

3.2. Đôn đốc Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng hợp báo cáo Bộ tình hình thực hiện đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư và hướng dẫn, kiểm tra, các chủ đầu tư thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ quy định của Nhà nước.

3.3. Kịp thời giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc của Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư.

II.3. LẬP, THẨM ĐỊNH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN THEO NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH HÀNG NĂM:

A. Các loại vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc ngân sách nhà nước được quyết toán năm, gồm:

1. Vốn trong dự toán ngân sách nhà nước:

- a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch Nhà nước giao hàng năm;
- b) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch năm trước được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán.

2. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác của ngân sách nhà nước được phép sử dụng để đầu tư theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với vốn đầu tư xây dựng cơ bản được cơ quan có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán ngân sách năm sau thì không lập báo cáo quyết toán năm, nhưng lập báo cáo tổng hợp để cơ quan tài chính các cấp theo dõi.

B. Trình tự lập, gửi, thẩm định báo cáo quyết toán năm:

1. Lập báo cáo quyết toán: chủ đầu tư thực hiện lập báo cáo.

1.1. Các đơn vị thuộc các hệ thống Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Các chủ đầu tư dự án có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng năm (đối chiếu số liệu về kế hoạch và vốn đã thanh toán với Kho bạc nhà nước trước khi lập báo cáo quyết toán năm) gửi cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của Chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) thẩm định. Cơ quan cấp trên của Chủ đầu tư thẩm định quyết toán của các chủ đầu tư và tổng hợp quyết toán vốn đầu tư các dự án thuộc phạm vi phân cấp quản lý gửi Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm của toàn ngành gửi Vụ Đầu tư.

1.2. Các đơn vị còn lại: Các chủ đầu tư các dự án chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng năm các dự án thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính).

Nội dung báo cáo quyết toán năm tại mục C dưới đây.

2. Thẩm định báo cáo quyết toán:

2.1. Cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của Chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) có trách nhiệm thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm của các chủ đầu tư các đơn vị trực thuộc và tổng hợp quyết toán vốn đầu tư các dự án thuộc phạm vi phân cấp quản lý gửi Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) để tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm của toàn ngành gửi Vụ Đầu tư.

2.2. Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) trực tiếp thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm của các dự án thuộc các đơn vị chủ đầu tư còn lại lập.

Nội dung tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm tại mục C; nội dung thẩm định báo cáo quyết toán năm tại mục D.

Trường hợp báo cáo quyết toán năm của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư của đơn vị thông báo cho chủ đầu tư (đơn vị cấp dưới) hoàn chỉnh báo cáo hoặc lập lại báo cáo để thẩm định.

2.3. Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) thẩm định và ra thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm gửi các Bộ, ngành trung ương và Kho bạc nhà nước.

C. Nội dung báo cáo quyết toán:

1. Phần số liệu:

a) Chủ đầu tư dự án lập báo cáo quyết toán đầy đủ nội dung theo các biểu sau (tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010):

Biểu số 01/CĐT về báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB nguồn ngân sách nhà nước;

Biểu số 02/CĐT về báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có).

Biểu số 03/CĐT về báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn trái phiếu Chính phủ (nếu có);

Biểu số 04/CĐT về báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn ứng trước trái phiếu Chính phủ (nếu có);

Chủ đầu tư phải đối chiếu số liệu về kế hoạch và vốn đã thanh toán với Kho bạc nhà nước trước khi lập báo cáo quyết toán năm (có xác nhận của KBNN).

b) Cơ quan cấp trên của Chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) tổng hợp và lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm của các đơn vị thuộc hệ thống, Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) tổng hợp và lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm của của toàn ngành đầy đủ nội dung theo các biểu sau (tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010):

Biểu số 01/CQTH về báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB nguồn ngân sách nhà nước;

Biểu số 02/CQTH về báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có).

Biểu số 03/CQTH về báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn trái phiếu Chính phủ (nếu có).

Biểu số 04/CQTH về báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn ứng trước trái phiếu Chính phủ (nếu có).

Riêng đối với các đơn vị nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền: thực hiện 4 biểu mẫu 01/CQTH, 02/CQTH, 03/CQTH, 04/CQTH nêu trên và các biểu số 01/KBQT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư XDCB được giao theo niên độ ngân sách; biểu số 05/KBQT về báo cáo tổng hợp thanh toán vốn đầu tư XDCB theo mục lục ngân sách.

2. Phần thuyết minh:

a) Đối với chủ đầu tư: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản Nhà nước giao trong năm; thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến quản lý vốn đầu tư.

b) Đối với cơ quan cấp trên chủ đầu tư, các Bộ, ngành trung ương, các Sở, phòng, ban, ngành địa phương: báo cáo tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản Nhà nước giao trong năm; thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn so với kế hoạch được giao; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến quản lý vốn đầu tư.

D. Nội dung thẩm định báo cáo quyết toán năm:

(Đối với các cơ quan cấp trên của Chủ đầu tư)

a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng về kế hoạch vốn, danh mục, tên dự án và vốn thanh toán của từng dự án thuộc kế hoạch được giao hàng năm.

b) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng về kế hoạch, danh mục, tên dự án và vốn thanh toán của từng dự án thuộc kế hoạch năm trước được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán.

c) Kiểm tra, so sánh số vốn thanh toán với số vốn kế hoạch của từng dự án; xác định số vốn được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán; số kế hoạch vốn huỷ bỏ.

d) Kiểm tra sự phù hợp về nguồn vốn, cơ cấu vốn của các dự án.

đ) Kiểm tra, tổng hợp dự án hoàn thành (bao gồm cả các hạng mục, tiểu dự án hoặc dự án thành phần hoàn thành thuộc các dự án nhóm A) trong năm kế hoạch.

e) Nhận xét về tình hình thực hiện, thanh toán và quyết toán vốn trong năm, tình hình chấp hành chế độ chính sách và tình hình khác.

g) Các nhận xét khác.

E. Các nguyên tắc quyết toán năm:

1. Đối với chủ đầu tư, thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán đối với chủ đầu tư và KBNN là cuối ngày 31 tháng 1 năm sau và lập báo cáo quyết toán theo mẫu biểu số 01/CĐT tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 (kèm theo văn bản hướng dẫn này).

Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép kéo dài thời hạn thanh toán sau thời hạn khoá sổ trên, thì vốn thanh toán sau thời hạn khoá sổ được quyết toán vào ngân sách nhà nước năm sau.

2. Vốn thanh toán được đưa vào báo cáo quyết toán năm, bao gồm:

a) Vốn thanh toán cho khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành của các dự án đầu tư bằng nguồn được giao trong năm kế hoạch, kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu, ghi chi hay thanh toán bằng ngoại tệ từ ngày 01 tháng 01 năm kế hoạch đến thời hạn khoá sổ.

Trường hợp trong kế hoạch vốn đầu tư được giao có bố trí để thu hồi số vốn đã được ngân sách nhà nước ứng trước dự toán của các dự án, số vốn quyết toán là tổng số thanh toán khối lượng hoàn thành đến hết niên độ quyết toán, bao gồm cả phần thanh toán khối lượng hoàn thành của kế hoạch ứng trước đã thanh toán trước đây chuyển sang.

** Ví dụ 1: Dự án A được ngân sách nhà nước ứng trước dự toán ngân sách năm 2009 trong năm 2008 là 5 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2009 của dự án được bố trí 10 tỷ đồng, trong đó thu hồi vốn ứng là 5 tỷ đồng, còn thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm 2009 là 5 tỷ đồng, thì số vốn thanh toán được đưa vào báo cáo quyết toán năm 2009 của dự án A tối đa là 10 tỷ đồng cho khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành.*

** Ví dụ 2: Dự án B được ngân sách nhà nước ứng trước dự toán ngân sách năm 2009 trong năm 2008 là 5 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2009 của dự án được bố trí 10 tỷ đồng, trong đó thu hồi vốn ứng trước là 3 tỷ đồng, còn thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm 2009 là 7 tỷ đồng, thì số vốn thanh toán được đưa vào báo cáo quyết toán năm 2009 của dự án B tối đa là 10 tỷ đồng cho khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành. Số vốn ứng trước còn chưa thu hồi 2 tỷ đồng của dự án B sẽ tiếp tục theo dõi để thu hồi khi được giao kế hoạch vốn thu hồi của dự án.*

b) Vốn thanh toán cho khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành của các dự án đầu tư bằng nguồn thuộc kế hoạch năm trước được phép chuyển năm sau chi tiếp, kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu, ghi chi hay thanh toán bằng ngoại tệ từ ngày 01 tháng 02 năm kế hoạch đến thời hạn khoá sổ.

c) Thanh toán từ ngày 01 tháng 02 năm kế hoạch đến thời hạn khoá sổ các khoản đã tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm kế hoạch.

3. Trường hợp các dự án đầu tư thuộc kế hoạch thanh toán vốn đầu tư hàng năm được phép chuyển năm sau chi tiếp, thì số vốn thanh toán đưa vào báo cáo quyết toán là số vốn thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành từ ngày 01 tháng 01 năm kế hoạch đến hết thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách (31/01 năm sau). Vốn thanh toán sau thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách năm trước được quyết toán vào ngân sách năm sau.

Ví dụ 3: Dự án C được ghi kế hoạch năm 2009 là 10 tỷ đồng; đến hết ngày 31/1/2010 dự án đã thanh toán khối lượng hoàn thành là 7 tỷ đồng; số kế hoạch vốn còn lại 3 tỷ đồng được phép tiếp tục thanh toán đến hết niên độ ngân sách năm 2010. Số vốn thanh toán được đưa vào báo cáo quyết toán năm 2009

của dự án C là 7 tỷ đồng; 3 tỷ đồng được thanh toán sau ngày 31/01/2010 được đưa vào quyết toán ngân sách năm 2010.

4. Đối với số vốn tạm ứng theo chế độ quy định chưa thu hồi không đưa vào quyết toán niên độ ngân sách của năm kế hoạch, được chuyển sang ngân sách năm sau thanh toán và quyết toán theo quy định của Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm và các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

5. Số liệu báo cáo phải được phản ánh chi tiết theo nguồn vốn, trong đó chi tiết vốn trong nước và vốn ngoài nước (nếu có).

Riêng đối với vốn ngoài nước, Kho bạc nhà nước báo cáo quyết toán số vốn đã được hạch toán ghi thu ghi chi cho dự án; chủ đầu tư báo cáo theo số vốn đã thanh toán cho dự án, trong đó chi tiết: số vốn đã ghi thu, ghi chi và số vốn chưa ghi thu, ghi chi.

Trường hợp dự án áp dụng cơ chế vốn ngoài nước được thanh toán như vốn trong nước hoặc dùng vốn trong nước thanh toán cho kế hoạch vốn ngoài nước thì quyết toán vào vốn ngoài nước và ghi chú rõ: vốn trong nước thanh toán cho kế hoạch vốn ngoài nước.

G. Thời hạn gửi và thẩm định báo cáo quyết toán:

1. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán năm:

a) Chủ đầu tư gửi báo cáo quyết toán năm cho cơ quan cấp trên chủ đầu tư trước ngày 30 tháng 4 năm sau.

b) Tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm của các hệ thống dọc: Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, gửi về Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) trước ngày 30 tháng 6 năm sau; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Học viện Tài chính gửi về Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) trước ngày 31 tháng 5 năm sau.

c) Tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm của Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính lập) gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) trước ngày 1 tháng 10 năm sau.

2. Thời hạn thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo chế độ quy định), cơ quan tài chính phải hoàn thành việc thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm đối với từng cơ quan, đơn vị cùng cấp và các đơn vị trực thuộc theo mẫu số 01/TBTD (ban hành kèm theo Thông tư số 210/2010/TT-BTC).

H. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan :

1. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ đầu tư:

a) Lập và gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư năm theo đúng nội dung, biểu mẫu và thời gian quy định tại hướng dẫn này.

b) Chịu trách nhiệm về số liệu được đưa vào báo cáo quyết toán năm; số liệu thanh toán, tạm ứng phải được đối chiếu khớp đúng với số liệu của Kho bạc Nhà nước.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ khi nhận được thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm của cơ quan tài chính), có trách nhiệm thực hiện và có văn bản giải trình về các kiến nghị trong thông báo thẩm định quyết toán năm gửi cơ quan tài chính.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của cấp trên chủ đầu tư (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước):

a) Chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý lập, gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm, đảm bảo theo yêu cầu hướng dẫn của văn bản này về nội dung báo cáo và thời gian gửi báo cáo.

b) Tổng hợp, lập, thẩm định báo cáo quyết toán năm theo hướng dẫn của Thông tư 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 và hướng dẫn tại văn bản này, gửi Bộ Tài chính (Vụ kế hoạch – Tài chính) đúng thời hạn quy định. Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định số liệu được đưa vào tổng hợp báo cáo quyết toán năm.

c) Chịu trách nhiệm xử lý các số liệu chênh lệch của từng dự án của hệ thống. Riêng số liệu thanh toán, phải được đối chiếu, khớp đúng với số liệu của Kho bạc nhà nước.

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ khi nhận được thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm của Bộ Tài chính), có trách nhiệm thực hiện và có văn bản giải trình về các kiến nghị trong thông báo thẩm định quyết toán năm gửi cơ quan tài chính.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính):

a) Chịu trách nhiệm đôn đốc cơ quan cấp trên chủ đầu tư của các hệ thống thẩm định và gửi tổng hợp báo cáo quyết toán vốn đầu tư hàng năm của các dự án thuộc hệ thống, đảm bảo theo yêu cầu hướng dẫn của văn bản này về nội dung báo cáo và thời gian gửi báo cáo.

b) Tổng hợp thẩm định báo cáo quyết toán năm của toàn ngành theo hướng dẫn của Thông tư 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 và hướng dẫn tại văn bản này, gửi Bộ Tài chính (vụ Đầu tư) đúng thời hạn quy định. Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định đối với các dự án của các chủ đầu tư còn lại (ngoài các hệ thống nêu trên).

c) Chịu trách nhiệm xử lý các số liệu chênh lệch của từng dự án thuộc phạm vi quản lý. Riêng số liệu thanh toán, phải được đối chiếu, khớp đúng với số liệu của Kho bạc nhà nước.

II.4. QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH THUỘC NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC:

A. Đối với chủ đầu tư:

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình ngay sau khi dự án, công trình hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng (hoặc bị ngừng thực hiện vĩnh viễn).

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung và đảm bảo thời gian quy định của Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính, lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký kết hợp đồng kiểm toán để thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án phải kiểm toán theo quy định của pháp luật về hợp đồng; trình cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư và quản lý hồ sơ quyết toán đúng quy định; hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của dự án (công trình) tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn đầu tư theo thời gian quy định kể từ khi có quyết định phê duyệt dự án hoàn thành.

Thời gian lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được tính từ ngày ký biên bản bàn giao đưa công trình, dự án vào khai thác sử dụng, ngày cấp có thẩm quyền quyết định ngừng thực hiện vĩnh viễn dự án: không quá 12 tháng đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A, 9 tháng đối với nhóm B và 6 tháng đối với dự án nhóm C; không quá 3 tháng đối với dự án được phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình.

Thời gian kiểm toán tính từ ngày nhận đủ hồ sơ kiểm toán theo quy định: Không quá 10 tháng đối với dự án quan trọng quốc gia, 8 tháng đối với dự án nhóm A, 6 tháng đối với dự án nhóm B và 4 tháng đối với dự án nhóm C.

Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán tính từ ngày cơ quan thẩm tra phê duyệt nhận đủ hồ sơ quyết toán theo quy định: Không quá 10 tháng đối với dự án quan trọng quốc gia, 7 tháng đối với dự án nhóm A, 5 tháng đối với dự án nhóm B và 4 tháng đối với dự án nhóm C; không quá 3 tháng đối với dự án được phê duyệt Báo cáo kinh tế- kỹ thuật xây dựng công trình.

Chủ đầu tư nếu có 03 dự án vi phạm quy định về thời gian lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (chậm quá sáu tháng so với thời gian đã được quy định cho mỗi nhóm dự án) thì cấp có thẩm quyền không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư.

Nội dung báo cáo quyết toán, biểu mẫu báo cáo quyết toán và hồ sơ trình duyệt quyết toán được quy định cụ thể như sau:

1. Nội dung báo cáo quyết toán:

1.1- Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án là giá trị thực tế đã thanh toán qua cơ quan kiểm soát cấp vốn, thanh toán, cho vay tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán (Chi tiết theo từng nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư NSNN, vốn ngành theo cơ chế hỗ trợ đầu tư, vốn khác ...).

1.2- Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán chi tiết theo cơ cấu: chi phí xây dựng, thiết bị, bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác; chi tiết theo hạng mục, theo gói thầu hoặc khoản mục chi phí đầu tư.

1.3- Xác định chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.

1.4- Xác định số lượng và giá trị tài sản hình thành qua đầu tư của dự án, công trình hoặc hạng mục công trình; chi tiết theo nhóm, loại tài sản cố định, tài sản lưu động theo chi phí thực tế. Đối với các dự án hoặc công trình độc lập đưa vào khai thác, sử dụng có thời gian thực hiện đầu tư lớn hơn 36 tháng tính từ ngày khởi công đến ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, trường hợp cần thiết người phê duyệt quyết toán quyết định việc thực hiện quy đổi vốn đầu tư về mặt bằng giá tại thời điểm bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

- Việc phân bổ chi phí khác cho từng tài sản cố định được xác định theo nguyên tắc: chi phí trực tiếp liên quan đến tài sản cố định nào thì tính cho tài sản cố định đó; chi phí chung liên quan đến nhiều tài sản cố định thì phân bổ theo tỷ lệ chi phí trực tiếp của từng tài sản cố định so với tổng số chi phí trực tiếp của toàn bộ tài sản cố định.

- Trường hợp tài sản được bàn giao cho nhiều đơn vị sử dụng phải xác định đầy đủ danh mục và giá trị tài sản bàn giao cho từng đơn vị.

2. Biểu mẫu báo cáo quyết toán:

2.1. Đối với dự án hoàn thành hoặc bị ngừng thực hiện vĩnh viễn: gồm các biểu theo Mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08/QTDA của Thông tư 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 (kèm theo văn bản này).

2.2. Đối với hạng mục công trình hoàn thành: gồm các biểu theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06/QTDA của Thông tư 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 (kèm theo văn bản này).

2.3. Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển và chi phí chuẩn bị đầu tư của dự án bị huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền: gồm các biểu theo Mẫu số: 07, 08, 09/QTDA của Thông tư 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 (kèm theo văn bản này). Đối với dự án quy hoạch sử dụng vốn từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện quyết toán theo quy định tại Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Nội dung cơ bản của biểu mẫu báo cáo quyết toán:

Mẫu số 01/QTDA: Báo cáo tổng hợp quyết toán hoàn thành.

Mẫu số 02/QTDA: Phản ánh các văn bản pháp lý có liên quan đến chủ trương thực hiện đầu tư, chi phí đầu tư chủ đầu tư đề nghị quyết toán.

Mẫu số 03/QTDA: Phản ánh tình hình thực hiện vốn đầu tư qua các năm làm cơ sở quy đổi vốn đầu tư quyết toán công trình.

Mẫu số 04/QTDA: Phản ánh chi phí đầu tư đã thực hiện đề nghị quyết toán theo công trình, hạng mục công trình hoàn thành trong trường hợp dự án có từ hai công trình (hạng mục công trình) trở lên.

Mẫu số 05/QTDA : Phản ánh toàn bộ tài sản cố định mới tăng.

Mẫu số 06/QTDA: Phản ánh toàn bộ tài sản lưu động bàn giao.

Mẫu số 07/QTDA: Phản ánh giá trị thực hiện, tình hình thanh toán và công nợ của dự án; chi tiết theo từng cá nhân, đơn vị tham gia thực hiện dự án tính từ khi thực hiện hợp đồng đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo quyết toán.

Mẫu số 08/QTDA: Bảng đối chiếu số liệu cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư: Lập riêng từng bảng đối chiếu xác nhận cho từng nguồn vốn đầu tư, cho từng cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư của dự án.

Mẫu số 09/QTDA: Mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, áp dụng cho dự án Quy hoạch sử dụng vốn đầu tư phát triển và chi phí chuẩn bị đầu tư bị huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2.4. Nơi nhận báo cáo quyết toán:

- Cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán;
- Cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư (nếu có);
- Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn (để xác nhận số vốn đã cấp, đã kiểm soát cho vay, kiểm soát thanh toán).

3. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành:

3.1. Tất cả các dự án sử dụng vốn Nhà nước khi hoàn thành đều phải kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

3.2. Trường hợp đặc biệt, không thể lựa chọn được nhà thầu kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hoặc các dự án nhóm C được phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xem xét, quyết định giao cho cơ quan thẩm tra trực tiếp thẩm tra quyết toán.

3.3. Nhà thầu kiểm toán khi thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành phải tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành do Bộ Tài chính ban hành (Chuẩn mực số 1000); khi công việc kiểm toán kết thúc phải lập báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành với đầy đủ các nội dung quy định tại Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và các nội dung quy định cụ thể tại Điều 16 của Thông tư số 19/2011/TT-BTC. Nhà thầu kiểm toán chịu trách nhiệm về nội dung và giá trị kiểm toán của dự án do mình thực hiện.

3.4. Khi cơ quan Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán đối với Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành hoặc kiểm toán thường xuyên theo tiến độ triển khai dự án đối với giá trị khối lượng các hạng mục hoàn thành của dự án:

a) Trường hợp nội dung Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước đảm bảo đủ các nội dung quy định tại Điều 16 của Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 17/02/2011 (tại điểm 2 mục D dưới đây) thì chủ đầu tư không phải thuê kiểm toán độc lập để kiểm toán quyết toán đối với dự án. Cơ quan Kiểm toán

Nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và giá trị kiểm toán của dự án do mình thực hiện.

b) Trường hợp nội dung Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước chưa đủ các nội dung quy định tại Điều 16 của Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 17/02/2011 (tại điểm 2 mục D dưới đây) thì chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán bổ sung các nội dung mà cơ quan Kiểm toán Nhà nước chưa thực hiện. Chi phí kiểm toán bổ sung được xác định tương tự như xác định chi phí kiểm toán đối với hạng mục công trình, gói thầu trong dự án tại mục F dưới đây. Cơ quan Kiểm toán Nhà nước và tổ chức kiểm toán độc lập chịu trách nhiệm về nội dung và giá trị kiểm toán báo cáo quyết toán do mình thực hiện.

4. Hồ sơ trình duyệt quyết toán :

4.1- Đối với dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành hoặc bị ngừng thực hiện vĩnh viễn:

4.1.1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính);

4.1.2. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành của chủ đầu tư theo quy định tại điểm 1 và 2 mục A nêu trên của hướng dẫn này (bản chính);

4.1.3. Các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (bản chính hoặc bản sao);

4.1.4. Các hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có) giữa chủ đầu tư với các nhà thầu thực hiện dự án (bản chính hoặc bản sao);

4.1.5. Các biên bản nghiệm thu hoàn thành bộ phận công trình, giai đoạn thi công xây dựng công trình, nghiệm thu lắp đặt thiết bị; Biên bản nghiệm thu hoàn thành dự án, công trình hoặc hạng mục công trình để đưa vào sử dụng (bản chính hoặc bản sao);

4.1.6. Toàn bộ các bản quyết toán khối lượng A-B (bản chính).

4.1.7. Báo cáo kết quả kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của nhà thầu kiểm toán (nếu có, bản chính); kèm theo biên bản nghiệm thu báo cáo kiểm toán và văn bản của chủ đầu tư về kết quả kiểm toán: nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất, kiến nghị;

4.1.8. Kết luận thanh tra, Biên bản kiểm tra, Báo cáo kiểm toán của các cơ quan: Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước (nếu có); kèm theo báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.

4.1.9. Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công, hồ sơ đấu thầu, dự toán thiết kế, dự toán bổ sung (nếu có) và các hồ sơ chứng từ thanh toán có liên quan.

4.2- Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển; chi phí chuẩn bị đầu tư của các dự án được huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

4.2.1. Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính);

4.2.2. Báo cáo quyết toán theo quy định tại điểm 1 và 2 mục A nêu trên (bản chính);

4.2.3. Tập các văn bản pháp lý có liên quan (bản chính hoặc bản sao);

4.2.4. Các hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư với các nhà thầu; Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng (nếu có, bản chính hoặc bản sao).

Trong quá trình thẩm tra, khi cơ quan thẩm tra quyết toán có văn bản yêu cầu, chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình các tài liệu khác có liên quan đến quyết toán vốn đầu tư của dự án.

5. Nơi nhận và lưu hồ sơ quyết toán:

Hồ sơ quyết toán các dự án được lập thành 4 bộ có giá trị như nhau và được lưu giữ tại các cơ quan sau: Chủ đầu tư, cơ quan thẩm tra và phê duyệt quyết toán, đơn vị được trực tiếp giao quản lý, sử dụng tài sản, cơ quan lưu trữ (nếu có).

Ngoài ra chủ đầu tư còn phải gửi báo cáo quyết toán theo biểu mẫu qui định cho các cơ quan thanh toán, cho vay vốn đầu tư.

6. Chế độ báo cáo:

Căn cứ tình hình lập và trình duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Chủ đầu tư báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành thuộc phạm vi quản lý định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán và Bộ Tài chính theo *Mẫu số 12/QTDA* của Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011; chậm nhất vào ngày 10 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 15 tháng 01 năm sau đối với báo cáo năm.

7. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

7.1. Công tác báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành:

Chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành định kỳ 6 tháng, hàng năm theo đúng biểu mẫu và thời hạn quy định tại điểm 5 nêu trên.

7.2. Đối với công tác quyết toán dự án hoàn thành:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, đúng biểu mẫu và đảm bảo thời gian theo quy định của hướng dẫn này;

b) Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ký hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành với nhà thầu kiểm toán theo quy định của pháp luật về hợp đồng và nghiệm thu kết quả kiểm toán với mức chi phí kiểm toán, tối đa không vượt định mức quy định tại mục F dưới đây;

c) Chủ đầu tư có trách nhiệm trình duyệt, quản lý hồ sơ quyết toán đúng quy định. Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu, tính pháp lý đối với tài liệu trong hồ sơ trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành; Đối chiếu, xác

nhận số vốn đã thanh toán hoặc được vay; đối chiếu công nợ, tài sản đã chuyển giao cho các cơ quan liên quan theo quy định;

d) Cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra (kiểm toán).

e) Sau 6 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chủ đầu tư phải hoàn thành việc giải quyết công nợ và làm thủ tục tất toán tài khoản đầu tư của dự án (công trình) tại cơ quan thanh toán, cho vay vốn đầu tư.

g) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại vật chất nếu gây lãng phí, thất thoát vốn đầu tư của dự án.

h) Thu hồi đầy đủ số vốn đầu tư đã chi trả cho cá nhân, đơn vị sai so với chế độ quy định.

B. Đối với cấp được Bộ trưởng Bộ Tài chính phân cấp và uỷ quyền quyết định đầu tư:

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

Người quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

1.1. Tổng cục trưởng các Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 300.000 triệu đồng trở xuống (hoặc phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị cấp dưới trực tiếp quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm C, các dự án cải tạo sửa chữa).

1.2. Tổng giám đốc kho bạc Nhà nước phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm B; quyết định (hoặc phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị cấp dưới trực tiếp quyết định) đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm C, các dự án cải tạo sửa chữa.

1.3. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm B (trừ các dự án kho dự trữ tuyến 1); quyết định (hoặc phân cấp cho Thủ trưởng đơn vị cấp dưới trực tiếp quyết định) đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm C, các dự án cải tạo sửa chữa.

1.4. Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm C, các dự án cải tạo sửa chữa.

1.5. Giám đốc Học viện Tài chính, Hiệu trưởng, Giám đốc các trường thuộc Bộ phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15.000 triệu đồng, các dự án cải tạo sửa chữa.

1.6. Thủ trưởng các đơn vị còn lại thuộc Bộ (trừ các đơn vị quy định tại mục 1.5 nêu trên) quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án cải tạo sửa chữa (không làm tăng quy mô).

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập tổ công tác thẩm tra để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị có liên quan.

3. Thực hiện thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

3.1. Thẩm tra quyết toán đối với dự án đã kiểm toán báo cáo quyết toán: cơ quan thẩm tra thực hiện thẩm tra và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành theo đúng trình tự và nội dung quy định tại điểm 1 mục D hướng dẫn này.

3.2. Thẩm tra quyết toán đối với dự án không kiểm toán báo cáo quyết toán:

Đối với dự án không kiểm toán quyết toán, cơ quan thẩm tra thực hiện thẩm tra và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành theo đúng trình tự và nội dung quy định tại điểm 2 mục D hướng dẫn này.

4. Lập báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đầy đủ nội dung theo quy định tại mục D dưới đây.

5. Thời gian thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư :

Không quá 7 tháng đối với dự án nhóm A, 5 tháng đối với dự án nhóm B, 4 tháng đối với dự án nhóm C và không quá 03 tháng đối với dự án được lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình sau khi nhận đủ hồ sơ quyết toán vốn đầu tư quy định tại điểm 4 mục A nêu trên.

6. Chế độ báo cáo :

Căn cứ báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành của chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý, cấp được Bộ trưởng Bộ Tài chính phân cấp và uỷ quyền quyết định đầu tư tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính) tình hình quyết toán các dự án hoàn thành của hệ thống định kỳ 6 tháng, hàng năm theo *Mẫu số 11/QTDA* tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính; chậm nhất vào ngày 15/ 7 đối với báo cáo 6 tháng và ngày 20/ 01 năm sau đối với báo cáo năm.

7. Trách nhiệm cấp được Bộ trưởng Bộ Tài chính uỷ quyền quyết định đầu tư :

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ, đúng nội dung biểu mẫu theo quy định.

- Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đã được uỷ quyền hoặc phân cấp thuộc thẩm quyền.

- Tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả trực tiếp thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

- Được yêu cầu chủ đầu tư cung cấp tài liệu có liên quan đến việc quyết toán dự án hoàn thành.

- Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền.

- Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án sau khi phê duyệt quyết toán.

- Không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư nếu chủ đầu tư có 3 dự án trở lên vi phạm quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán (chậm quá 6 tháng so với thời gian đã được quy định cho mỗi nhóm dự án).

- Bố trí đủ vốn để thanh toán cho dự án trong năm có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

C. Bộ Tài chính :

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm A do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính được Bộ trưởng Bộ Tài chính uỷ quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm B, nhóm C do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư.

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt đối với dự án nhóm B, nhóm C do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư. Trường hợp cần thiết, Vụ Kế hoạch – Tài chính quyết định thành lập tổ công tác để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị có liên quan.

3. Thực hiện thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

3.1. Thẩm tra quyết toán đối với dự án đã kiểm toán quyết toán: cơ quan thẩm tra thực hiện thẩm tra và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành theo đúng trình tự và nội dung quy định tại điểm 1 mục D dưới đây.

3.2. Thẩm tra quyết toán đối với dự án không kiểm toán báo cáo quyết toán:

Đối với dự án không kiểm toán quyết toán, cơ quan thẩm tra thực hiện thẩm tra và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành theo đúng trình tự và nội dung quy định tại điểm 2 mục D dưới đây.

4. Lập báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm 2 mục D dưới đây.

5. Thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành :

- Không quá 10 tháng đối với dự án quan trọng quốc gia, 7 tháng đối với dự án nhóm A, 5 tháng đối với dự án nhóm B, 4 tháng đối với dự án nhóm C và không quá 03 tháng đối với dự án lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình sau khi nhận đủ hồ sơ quyết toán vốn đầu tư quy định tại điểm 4 mục A của hướng dẫn này.

6. Chế độ báo cáo, kiểm tra:

6.1. Chế độ báo cáo:

Căn cứ báo cáo tổng hợp tình hình quyết toán dự án hoàn thành của Tổng cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Học viện Tài chính, các trường Đại học, cao đẳng thuộc Bộ ... Vụ Kế hoạch – Tài chính tổng hợp báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành của Bộ Tài chính theo biểu *mẫu số 11/QTDA* quy định tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính:

Báo cáo gửi Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư) chậm nhất là ngày 20/7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 30/01 năm sau đối với báo cáo năm.

6.2. Chế độ kiểm tra:

Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành của các đơn vị thuộc các hệ thống: Thuế, Hải quan, Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các trường thuộc Bộ; kịp thời phát hiện và xử lý các sai sót hoặc vi phạm.

7. Trách nhiệm Bộ Tài chính: (Vụ Kế hoạch – Tài chính)

- Tổng hợp báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành của Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý theo nội dung và thời gian quy định;

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành kịp thời, đầy đủ nội dung biểu mẫu và đảm bảo thời gian theo quy định;

- Hướng dẫn chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành;

- Được yêu cầu chủ đầu tư cung cấp tài liệu có liên quan đến việc quyết toán vốn đầu tư của dự án;

- Tổ chức thẩm tra, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đầy đủ nội dung, yêu cầu theo quy định. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả trực tiếp thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp;

- Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền;

- Bố trí đủ vốn để thanh toán cho dự án trong năm có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

- Hướng dẫn, đôn đốc, tạo điều kiện pháp lý để chủ đầu tư hoàn thành việc giải quyết công nợ và tất toán tài khoản của dự án sau khi phê duyệt quyết toán;

- Không giao dự án đầu tư mới cho chủ đầu tư nếu chủ đầu tư có 3 dự án trở lên vì phạm quy định về thời gian lập báo cáo quyết toán (chậm quá 6 tháng so với thời gian cho mỗi nhóm dự án).

D. Trình tự thẩm tra và nội dung Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

1. Thẩm tra quyết toán đối với dự án đã kiểm toán báo cáo quyết toán:

Trên cơ sở kết quả Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành, cơ quan (đơn vị) chủ trì thẩm tra quyết toán thực hiện thẩm tra theo các nội dung sau:

a) Thẩm tra tính tuân thủ Chuẩn mực kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Báo cáo kết quả kiểm toán, đối chiếu nội dung Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành với nội dung quy định tại Điều 16 của Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính (điểm 2 dưới đây); nếu chưa đủ các nội dung quy định, cơ quan thẩm tra có quyền yêu cầu đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán lại hoặc kiểm toán bổ sung. Khi cơ quan Kiểm Nhà nước thực hiện kiểm toán đối với Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, đơn vị thẩm tra quyết toán không phải thực hiện thẩm tra nội dung này.

b) Thẩm tra việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, những căn cứ pháp lý mà kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán dự án.

c) Xem xét những kiến nghị, những nội dung có quan điểm khác nhau giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán.

d) Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).

2. Thẩm tra quyết toán đối với dự án không kiểm toán báo cáo quyết toán:

Cơ quan thẩm tra thực hiện thẩm tra và lập báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành theo đúng trình tự như sau:

2.1. Đối với dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành:

2.1.1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý:

- Thẩm tra việc chấp hành trình tự, thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng.

- Thẩm tra việc chấp hành trình tự, thủ tục lựa chọn thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Thẩm tra tính pháp lý và hình thức giá của các hợp đồng do chủ đầu tư ký với các nhà thầu (tư vấn, xây dựng, cung ứng vật tư thiết bị) để thực hiện dự án.

2.1.2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư của dự án :

- Đối chiếu số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán do chủ đầu tư báo cáo với số xác nhận của cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán liên quan để xác định số vốn đầu tư thực tế thực hiện.

2.1.3. Thẩm tra chi phí đầu tư:

Các khoản chi phí đầu tư của dự án có thể được thực hiện bởi 2 phương thức:

- Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án) tự thực hiện.
- Các nhà thầu thực hiện theo hợp đồng.

a. Thẩm tra những công việc do chủ đầu tư (Ban quản lý dự án) tự thực hiện:

Những công việc do Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án) tự thực hiện bao gồm các khoản mục chi phí thuộc chi phí quản lý dự án và các gói thầu chủ đầu tư được phép tự thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Khi thẩm tra cần:

- Đối chiếu các nội dung, khối lượng (số lượng) trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với nội dung công việc, khối lượng (số lượng) trong các biên bản nghiệm thu hoàn thành;

- Đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán của chủ đầu tư với đơn giá trong dự toán được duyệt đảm bảo phù hợp với định mức, đơn giá của Nhà nước hoặc phù hợp với nguyên tắc lập định mức, đơn giá theo quy định của Nhà nước.

Qua đó xác định được giá trị quyết toán của công việc hoặc gói thầu do Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án) tự thực hiện.

b. Thẩm tra những công việc do các nhà thầu thực hiện theo hợp đồng:

Tùy theo đặc điểm, tính chất của dự án, công trình xây dựng; với tất cả các loại hợp đồng trong hoạt động xây dựng; các bên tham gia ký kết hợp đồng phải thoả thuận giá hợp đồng xây dựng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu) theo một trong các hình thức giá hợp đồng sau đây:

- Giá hợp đồng trọn gói;
- Giá hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh;
- Giá hợp đồng theo thời gian;
- Giá hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%).

b.1- Thẩm tra đối với hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng trọn gói” :

Đối chiếu các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng thực hiện, đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng, đơn giá ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng. Qua đó xác định được giá trị quyết toán của hợp đồng.

Khi nhà thầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng thực hiện và đơn giá ghi trong hợp đồng, bản tính giá hợp đồng; thì giá trị quyết toán đúng bằng giá trọn gói của hợp đồng đã ký. Không chiết tính lại khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

b.2. Thẩm tra đối với hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng theo đơn giá cố định”:

- Đối chiếu với biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện để thẩm tra các yêu cầu, nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B;

- Đối chiếu đơn giá trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá cố định ghi trong bản tính giá hợp đồng và các tài liệu kèm theo hợp đồng;

Giá trị quyết toán bằng khối lượng thực hiện đã nghiệm thu đúng quy định nhân (x) với đơn giá cố định ghi trong hợp đồng.

b.3. Thẩm tra đối với hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng theo giá điều chỉnh”:

Căn cứ điều kiện cụ thể của hợp đồng, xác định rõ phạm vi, nguyên tắc và phương thức điều chỉnh của hợp đồng. Trường hợp điều chỉnh về khối lượng phải căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng để thẩm tra khối lượng. Trường hợp điều chỉnh về đơn giá phải căn cứ nguyên tắc điều chỉnh giá ghi trong hợp đồng.

b.4. Thẩm tra đối với hợp đồng theo hình thức “Giá hợp đồng theo thời gian”:

Giá hợp đồng theo thời gian được xác định trên cơ sở mức thù lao cho chuyên gia, các khoản chi phí khác ngoài mức thù lao cho chuyên gia và thời gian làm việc tính theo tháng, tuần, ngày, giờ.

- Để xác định mức thù lao phải trả cho nhà thầu, đối chiếu đơn giá thù lao trong bản tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá thù lao theo thời gian do chủ đầu tư và nhà thầu thoả thuận trong hợp đồng nhân (x) với thời gian làm việc thực tế căn cứ vào Biên bản nghiệm thu thời gian làm việc thực tế hoặc Bảng chấm công (theo tháng, tuần, ngày, giờ);

- Để xác định các khoản chi phí khác ngoài khoản chi trả thù lao như: đi lại, khảo sát, thuê văn phòng làm việc và các chi phí hợp lý khác; đối chiếu với quy định về phương thức thanh toán nêu trong hợp đồng:

+ Trường hợp trong hợp đồng quy định thanh toán theo thực tế: đối chiếu bảng kê quyết toán với chứng từ, hoá đơn thực tế theo quy định của Nhà nước;

+ Trường hợp trong hợp đồng quy định thanh toán theo phương thức khoán: quyết toán theo mức khoán đã thoả thuận trong hợp đồng.

- Trong quá trình thực hiện có công việc phát sinh cần phải bổ sung thêm chuyên gia mà trong hợp đồng chưa có mức thù lao cho các chuyên gia này thì các bên phải thoả thuận và thống nhất mức thù lao trước khi thực hiện; khi đó hồ sơ quyết toán phải có Bảng tính giá trị các công việc phát sinh ngoài phạm vi

công việc phải thực hiện theo hợp đồng (có xác nhận của các bên: giao thầu hoặc đại diện tư vấn nếu có và bên nhận thầu).

b.5. Thẩm tra đối với hợp đồng theo hình thức “ Giá hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%)”:

Giá hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm (%) được tính theo tỷ lệ (%) giá trị của công trình hoặc giá trị khối lượng công việc. Khi bên nhận thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng thì giá trị quyết toán của hợp đồng theo tỷ lệ (%) được xác định trên cơ sở tỷ lệ (%) do hai bên thoả thuận trong hợp đồng nhân (x) với giá trị công trình hoặc giá trị khối lượng công việc tương ứng do hai bên quy định trong hợp đồng.

b.6. Thẩm tra đối với hợp đồng có nhiều công việc tương ứng với các loại Giá hợp đồng (Giá hợp đồng kết hợp) phải xác định rõ phạm vi theo công trình, hạng mục công trình hoặc nội dung công việc cụ thể được áp dụng hình thức giá hợp đồng cụ thể: trọn gói, đơn giá cố định, điều chỉnh giá, thời gian, tỷ lệ (%).

Việc thẩm tra từng phần của hợp đồng, theo từng hình thức hợp đồng, tương ứng với quy định tại các trường hợp b.1, b.2, b.3, b.4, b.5 trên đây.

c. Thẩm tra các trường hợp phát sinh:

c.1. Trường hợp có những hạng mục hoặc một số nội dung công việc nào đó trong hợp đồng không thực hiện thì giảm trừ giá trị tương ứng của những nội dung đó theo hợp đồng;

c.2. Trường hợp có khối lượng không thực hiện hoặc khối lượng được nghiệm thu thấp hơn ở bản tính giá hợp đồng thì giảm trừ phần khối lượng không thực hiện (hoặc thấp hơn) nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng;

c.3. Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì cộng (+) thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá tương ứng ghi trong hợp đồng;

c.4. Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, trong phạm vi hợp đồng, khối lượng phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì cộng (+) thêm phần khối lượng phát sinh được nghiệm thu nhân (x) với đơn giá điều chỉnh do chủ đầu tư phê duyệt theo nguyên tắc điều chỉnh đơn giá khối lượng phát sinh đã ghi trong hợp đồng;

c.5. Trường hợp có công việc phát sinh theo yêu cầu của chủ đầu tư, ngoài phạm vi hợp đồng thì thẩm tra theo dự toán bổ sung đã được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo hợp đồng bổ sung giá trị phát sinh này;

2.1.4. Thẩm tra chi phí đầu tư thiệt hại không tính vào giá trị tài sản:

- Chi phí đầu tư thiệt hại do thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác không thuộc phạm vi bảo hiểm.

- Chi phí đầu tư cho khối lượng công việc được huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2.1.5. Thẩm tra giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: thẩm tra số lượng và giá trị tài sản theo 2 loại: tài sản cố định và tài sản lưu động; nguyên giá (đơn giá) của từng nhóm (loại) tài sản theo thực tế chi phí và theo giá quy đổi về thời điểm bàn giao tài sản đưa vào sản xuất, sử dụng.

2.1.6. Thẩm tra tình hình công nợ, vật tư, thiết bị tồn đọng:

- Căn cứ kết quả thẩm tra chi phí đầu tư, báo cáo tình hình thanh toán cho các nhà thầu của chủ đầu tư để thẩm tra công nợ;

- Căn cứ thực tế tiếp nhận và sử dụng vật tư thiết bị của dự án để xác định số lượng, giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng, đề xuất phương án xử lý;

- Căn cứ biên bản kiểm kê đánh giá tài sản dành cho hoạt động Ban quản lý dự án tính đến ngày lập báo cáo quyết toán, xác định số lượng, giá trị tài sản còn lại để bàn giao cho đơn vị sử dụng hoặc xử lý theo quy định.

2.1.7. Xem xét việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận của các cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán nhà nước (nếu có).

2.1.8. Nhận xét đánh giá, kiến nghị:

- Nhận xét đánh giá việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư, xây dựng và đầu thầu; công tác quản lý chi phí đầu tư, quản lý tài sản đầu tư của chủ đầu tư; trách nhiệm của từng cấp đối với công tác quản lý vốn đầu tư dự án.

- Kiến nghị về giá trị quyết toán và xử lý các vấn đề có liên quan.

2.2. Đối với dự án quy hoạch hoàn thành và chi phí chuẩn bị đầu tư của các dự án bị huỷ bỏ theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

2.2.1. Thẩm tra hồ sơ pháp lý của dự án.

2.2.2. Thẩm tra nguồn vốn đầu tư thực hiện.

2.2.3. Thẩm tra chi phí đầu tư thực hiện chi tiết từng khoản chi phí phát sinh so với dự toán được duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của nhà nước.

2.2.4. Thẩm tra tình hình công nợ của dự án.

2.2.5. Thẩm tra số lượng, giá trị tài sản hình thành qua đầu tư (nếu có).

E. Quyết định phê duyệt:

1. Nội dung phê duyệt:

Căn cứ báo cáo kết quả thẩm tra; người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xem xét, phê duyệt quyết toán dự án theo quy định. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền theo biểu *Mẫu số 10/QTDA* của Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính.

2. Nơi nhận và lưu quyết định phê duyệt quyết toán:

- Chủ đầu tư;
- Cơ quan cấp trên của Chủ đầu tư;
- Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán;
- Đơn vị được trực tiếp giao quản lý, sử dụng tài sản;
- Bộ Tài chính (Vụ Kế hoạch – Tài chính).

F. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; kiểm toán độc lập:

1- Xác định chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán độc lập:

Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và định mức chi phí kiểm toán dự án hoàn thành được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt (hoặc được điều chỉnh) của dự án cụ thể và tỷ lệ quy định tại Khoản 1, Điều 18 của Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính. Cụ thể theo tỷ lệ quy định tại Bảng Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán dưới đây.

BẢNG ĐỊNH MỨC CHI PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VÀ CHI PHÍ KIỂM TOÁN QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH :

Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	≤ 5	10	50	100	500	1.000	≥ 10.000
Thẩm tra, phê duyệt (%)	0,38	0,26	0,19	0,15	0,09	0,06	0,032
Kiểm toán (%)	0,64	0,43	0,30	0,23	0,13	0,086	0,046

1. 1. Định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (ký hiệu là K_{TTPD}) và định mức chi phí kiểm toán (ký hiệu là K_{KT}) dự án hoàn thành được xác định theo công thức tổng quát sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a) \times (G_i - G_b)}{G_a - G_b}$$

Trong đó :

- + K_i là định mức chi phí tương ứng với dự án cần tính (đơn vị tính: %);
- + K_a là định mức chi phí tương ứng với dự án cận trên (đơn vị tính: %);
- + K_b là định mức chi phí tương ứng với dự án cận dưới (đơn vị tính: %);
- + G_i là tổng mức đầu tư của dự án cần tính, đơn vị: tỷ đồng;
- + G_a là tổng mức đầu tư của dự án cận trên, đơn vị: tỷ đồng;
- + G_b là tổng mức đầu tư của dự án cận dưới, đơn vị: tỷ đồng.

1. 2. Chi phí thẩm tra và Chi phí thuê kiểm toán của dự án được xác định theo công thức sau:

a. Chi phí thẩm tra tối đa = $K_{i-TTPD} \% \times$ Tổng mức đầu tư

b. Chi phí kiểm toán tối đa = $K_{i-KT} \% \times$ Tổng mức đầu tư + Thuế GTGT

c. Chi phí thẩm tra tối thiểu là năm trăm ngàn đồng; chi phí kiểm toán tối thiểu là một triệu đồng cộng với thuế GTGT.

1.3. Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán của Hạng mục công trình hoặc gói thầu trong dự án được xác định như sau:

$$\text{Chi phí hạng mục} = \text{Mức chi phí của cả dự án} \times \frac{\text{Dự toán của HMCT}}{\text{Tổng mức đầu tư của dự án}}$$

1.4. Trường hợp dự án có cơ cấu vốn thiết bị chiếm từ 51% trở lên so với tổng mức đầu tư thì định mức chi phí thẩm tra và định mức chi phí kiểm toán được tính bằng 70% định mức nêu trong Bảng trên.

1.5. Trường hợp dự án đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán thì định mức chi phí thẩm tra được tính bằng 50% định mức nêu trong Bảng trên.

1.6. Trường hợp dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, chương trình dự án, có các tiểu dự án hoặc dự án thành phần quyết định đầu tư riêng thì chi phí thẩm tra và chi phí kiểm toán được tính như một dự án độc lập.

1.7. Đối với dự án, hạng mục bồi thường, giải phóng mặt bằng, định mức chi phí thẩm tra và định mức chi phí kiểm toán được tính tối đa bằng 70% định mức nêu trong Bảng trên.

2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán:

2.1. Khi thực hiện thẩm tra, cơ quan chủ trì thẩm tra (Bộ Tài chính và cơ quan cấp trên chủ đầu tư được phân cấp gồm: Kho bạc Nhà nước, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và các Tổng cục: Thuế, Hải quan, Dự trữ Nhà nước) có văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo đúng tỷ lệ quy định tại Khoản 1, Điều 18 của Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính nêu trên. Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:

- Chi trả thù lao các thành viên trực tiếp thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo mức khoán hoặc theo thời gian do cơ quan thẩm tra quy định;
- Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán (nếu có) theo mức khoán hoặc theo thời gian do cơ quan thẩm tra quy định;
- Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán và các khoản chi khác.

2.2. Do điều kiện thu chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán phụ thuộc vào việc bố trí kế hoạch vốn bổ sung của các dự án, trường hợp chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán chưa sử dụng hết trong năm thì được phép chuyển sang năm sau để thực hiện theo quy định.

3. Chi phí thẩm tra và phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán được tính vào chi phí khác trong giá trị quyết toán của dự án.

G. Xử lý vi phạm:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi thẩm tra quyết toán sai quy định tại Thông tư này gây lãng phí vốn đầu tư của Nhà nước: xử lý theo quy định tại Điều 29, Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18/8/2006 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Chủ đầu tư (ban quản lý dự án) có hành vi vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành: xử lý theo quy định tại Điều 16, Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

3. Nhà thầu có hành vi vi phạm chế độ quyết toán dự án hoàn thành: xử lý theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

4. Thẩm quyền và thủ tục xử phạt đối với hành vi quy định tại Khoản 1 trên đây theo quy định tại Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008. Thẩm quyền và thủ tục xử phạt đối với các hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3 trên đây theo quy định tại Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

5. Trường hợp vi phạm ở các khoản 1, 2, 3 trên đây vượt phạm vi xử lý vi phạm hành chính thì phải xử lý theo pháp luật hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, các chủ đầu tư, Các Ban quản lý Dự án tổ chức triển khai thực hiện đúng nội dung về công tác lập kế hoạch, thanh toán, báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo niên độ ngân sách hàng năm và quyết toán dự án hoàn thành theo hướng dẫn này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời và liên hệ trực tiếp với Vụ Kế hoạch – Tài chính Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ KH-TC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Nguyễn Hồng Hà

TT	DANH MỤC	Số hiệu quy định	Bộ phận xây dựng (CH, KH, KH, KH)	Mã số dự án (theo hồ sơ)	Mã số hồ sơ (theo hồ sơ)	Ngày lập hồ sơ	Thời gian		Quyết định của cơ quan (theo danh sách)										Việc thi công kiến trúc (theo danh sách)				Đang lý luận (theo danh sách)				Ghi chú
							khởi công	hoàn thành	Số	Ngày lập hồ sơ	Cơ quan	Số lần		Việc thi công kiến trúc (theo danh sách)		Việc thi công kiến trúc (theo danh sách)		Việc thi công kiến trúc (theo danh sách)									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23					
C	Dự án nhóm C																										
a	Dự án đã hoàn thành																										
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành nhóm (N)																										
c	Dự án chuyển tiếp nhóm sau (N+1)																										
d	Dự án khởi công mới nhóm N																										
A.2 Nguồn vốn CTMT và hỗ trợ có mục tiêu																											
	Dự án ...																										
A.3 Nguồn vốn khác																											
	Dự án ...																										

... Ngày... Tháng... năm...
THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, Đóng dấu)

TT	DANH MỤC	Số điện thoại công	Số điện thoại nhà (CĐT điện thoại, fax, máy fax)	Mã số dự án (theo quy định)	Mã số thuế (theo quy định)	Mã số thuế chi nhánh (nếu có)	Thời gian										Số nhân viên dự án (theo danh sách)	Vấn đề thanh toán và khác công việc (theo danh sách)			Số nhân viên dự án (theo quy định)	Dự kiến nhân sự kế hoạch nhân viên dự án (theo quy định)			Ghi chú
							Tháng	Ngày	Số nhân viên	Ngày, tháng, năm	Số nhân viên	Số nhân viên	Số nhân viên	Số nhân viên	Số nhân viên	Số nhân viên		Trong đó		Số nhân viên		Trong đó			
																		Tháng	Ngày			Số nhân viên	Số nhân viên	Số nhân viên	
1	Dự án ...	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
d	Dự án khác công suất nhân N																								
C	Dự án nhân C																								
a	Dự án số nhân khác																								
b	Dự án chuyên cấp báo nhân nhân (N)																								
	Dự án ...																								
c	Dự án chuyên cấp nhân nhân (N+1)																								
	Dự án ...																								
d	Dự án khác công suất nhân N																								
	Dự án ...																								
A.2	Người vận CNTT và kế hoạch dự án																								
	Dự án ...																								
	...																								
A.3	Người vận khác																								
	Dự án ...																								
	...																								

Ngày... Tháng ... năm...
Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ

(Tổng cục Thuế, KBNN, Tổng cục DTNN, Tổng cục Hải quan, Ủy ban Chứng khoán VN, ...)

Mẫu biểu số 04 - BSV đính kèm

NEU CẦU BỔ SUNG VỐN THANH TOÁN KHỎI LƯỢNG XDCB HOÀN THÀNH

(Kèm theo Công văn số: ngày tháng năm của)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	DANH MỤC	Số năm xây dựng công trình	Số năm sử dụng công trình	Mô tả dự án (tên dự án, địa điểm)	Mức ngân sách (tính theo năm)	Thời gian			Quyết định đầu tư dự án (theo chính sách cũ)			Lập kế hoạch hàng năm từ KC của kế hoạch (N-1)	Lấy kế hoạch hàng năm từ KC của kế hoạch (N-1)			Kế hoạch vốn đầu tư năm N			Số vốn cần bổ sung		Ghi chú
						Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Thời gian	Ngày quyết định	CQ quyết định	Thời gian		Ngày phê duyệt	Ngày phê duyệt	Thời gian	Ngày phê duyệt	Ngày phê duyệt	Thời gian	Ngày phê duyệt	Ngày phê duyệt	
TỔNG SỐ (H-II)																					
I	Vấn chuẩn bị đầu tư																				
	Dự án ...																				
II	Vấn thực hiện dự án (A+B+C)																				
A	Dự án nhóm A																				
a	Dự án đã hoàn thành																				
	Dự án ...																				
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm (N)																				
	Dự án ...																				
c	Dự án chuyển tiếp năm sau (N+1)																				
	Dự án ...																				
d	Dự án khởi công mới năm (N)																				
	Dự án ...																				
B	Dự án nhóm B																				
a	Dự án đã hoàn thành																				
	Dự án ...																				
b	...																				
...	...																				
C	Dự án nhóm C																				
a	Dự án đã hoàn thành																				
	Dự án ...																				
b	...																				
...	...																				

Ngày... Tháng... năm...

Thủ trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

TT	DANH MỤC	Biểu đồ minh họa (nếu có)	Biểu đồ minh họa (nếu có)	Mã số ngành (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Mã ngành (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Số học sinh	Số học sinh	Số học sinh	Số học sinh	Số học sinh	Số học sinh	Số học sinh	Kết quả thi tuyển năm N				Kết quả thi tuyển năm (N) sau khi bổ sung				Ghi chú					
													Thi giỏi	Thi tốt nghiệp	Thi tốt nghiệp	Thi tốt nghiệp	Thi tốt nghiệp	Thi tốt nghiệp	Thi tốt nghiệp	Thi tốt nghiệp						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
b	Dự án chuyên cấp báo cáo																									
c	Dự án chuyên cấp báo cáo (N+1)																									
d	Dự án khác cấp báo cáo năm N																									

Thủ trưởng
(Ký tên, Đóng dấu)

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Lũy kế vốn đã thanh toán từ K/C đến hết niên độ năm trước		Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...		Thanh toán vốn thuộc KH năm trước		Thanh toán vốn thực hiện trong năm 20...				Tổng số vốn quyết toán niên độ 20...(*)	Lũy kế tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Lũy kế vốn hoàn thành đưa vào sử dụng				
								Từ đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi vốn quyết toán (*)	Kế hoạch năm 20...	thanh toán	thanh toán	thanh toán	thanh toán	Kế hoạch vốn (nếu có)	Kế hoạch vốn huy' (nếu có)	Kế hoạch vốn được kéo dài	KHHT				thanh toán chưa thu hồi	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn huy' bỏ (nếu có)	
1							8																	
2							9																	
III	Người khác Dự án...																							

Ghi chú:

- Đối với Dự án tổng mới 5 triệu ha rừng: số vốn thanh toán được quyết toán năm tính từ 1/1 năm kế hoạch đến hết 31/1 năm sau.
- Số vốn thanh toán từ 1/2 đến hết tháng 4 năm sau, quyết toán vào niên độ ngân sách năm sau.
- Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.
- Đối với một số dự án được giao kế hoạch vốn ngoài nước, nhưng thanh toán như nguồn vốn trong nước, thì số vốn đã thanh toán hạch toán vào nguồn ngoài nước.
- (*) Cột 9 - thể hiện lũy kế số dự tạm ứng chưa quyết toán năm.
- (*) Cột 20 - thể hiện số quyết toán năm, gồm: thanh toán KLIHT bằng nguồn được giao trong năm kế hoạch; nguồn thuộc kế hoạch năm trước chuyển năm sau chi tiếp; thanh toán các khoản tạm ứng theo chế độ từ các năm trước chuyển sang; Cột 20= cột 11+cột 16+cột 19 (phần số liệu đã hạch toán từ tạm ứng theo chế độ sang thanh toán KLIHT).
- (*) Cột 21 - lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán tính đến hết niên độ năm 20...; Cột 21=cột 12+cột 17+cột 9 (nếu còn)

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

... ngày tháng năm 20...
Chữ đầu tư (ký và đóng dấu)

Chủ đầu tư

Biểu số 02/CĐT

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XD CB - nguồn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có)

Niên độ ngân sách năm 20...

(Kèm theo Công văn số 4225/BTC-KHTC ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: tr.đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...			Thanh toán vốn ứng trước							
						Tổng số	Bao gồm:		Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	bao gồm:						
							KH vốn ứng trước năm 20...	KH vốn thu hồi năm 20...		Tổng số	Thành toán trong năm 20...	Thành toán cho KH vốn ứng trước năm trước chuyển sang	Thành toán cho KH ứng năm 20...	Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi		
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15	16	
I	Tổng số:															
1	Nguồn vốn XD CB tập trung															
1	Vốn chuẩn bị đầu tư															
2	Dự án...															
	Vốn thực hiện dự án															
	Ngành ...															
	Nhóm ...															
	Dự án...															
II	Dự án, CTMT															
1	Dự án Trồng mới 5 tr.ha rừng															
2	Dự án...															
3	CTMT quốc gia...															
	Dự án...															
	CTMT khác...															
	Dự án...															
III	Nguồn khác															
1	Nguồn...															
	Dự án ...															

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Chủ đầu tư

Chú đầu tư

Biểu số 03/CĐT

Báo cáo thành toán vốn đầu tư XD/CB nguồn vốn trái phiếu Chính phủ
Niên độ ngân sách năm 20...
 (Kèm theo Công văn số 4225/BTC-KHHC ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đvt: Tr. đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Trình mức đầu tư	Lũy kế vốn đã thanh toán từ Kế hoạch đầu tư KH năm trước	Thành toán kế hoạch vốn giao năm 20...				Thành toán vốn thuộc KH năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...				Tổng cộng vốn đã thanh toán năm 20... 19=10+11+15+16	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có) 20=12+17	Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có) 21=13+18	Lũy kế vốn đã thực hiện của DA hoàn thành đầu vào sử dụng
								Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	thành toán KLIHT	vốn tạm ứng theo chế độ chưa thanh toán (nếu có)	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	KH vốn huy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn được kéo dài (nếu có)	thành toán KLIHT	vốn tạm ứng theo chế độ chưa thanh toán (nếu có)				
1	Tổng số																		
1	Vốn chuẩn bị đầu tư																		
	Dự án...																		
	Nhà A																		
	Nhà B																		
	Nhà C																		
	Dự án...																		
2	Vốn thực hiện dự án																		
2.1	Nhà A																		
	Dự án...																		
	Nhà B																		
	Dự án...																		
	Nhà C																		
	Dự án...																		
2.2	Nhà A																		
	Dự án...																		

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

... ngày tháng năm 20...
Chú đầu tư (ký và đóng dấu)

Chủ đầu tư

Biểu số 04/CĐT

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XD CB - nguồn ứng trước trái phiếu Chính phủ (nếu có)

Niên độ ngân sách năm 20...

(Kèm theo Công văn số 4225/BTC-KHTC ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: tr. đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...			Thanh toán vốn ứng trước						
						Tổng số	KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...	KH vốn thu hồi năm 20...	Tổng số	Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Bao gồm:		Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi	
						Tổng số	KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...	KH vốn thu hồi năm 20...	Tổng số	Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán cho KH vốn ứng trước năm trước chuyển sang	Thanh toán cho KH ứng năm 20...	Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi	
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15	16
1	Tổng số Vốn chuẩn bị đầu tư Dự án...														
2	Vốn thực hiện dự án														
2.1	Ngành... Nhóm A Dự án... Dự án...														
	Nhóm B Dự án... Dự án...														
	Nhóm C Dự án... Dự án...														
2.2	Ngành...														

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Chủ đầu tư (ký và đóng dấu)

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án	Mã ngành	Tầng đầu tư	Lũy kế vốn thanh toán từ K/c đến hết niên độ	Thanh toán kế hoạch vào năm 20...												Tổng cộng vốn đã thanh toán 20...	Tỷ lệ: vốn cấp bằng lệnh chỉ trên	Tỷ lệ số vốn nhận theo quyết độ năm 20...	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Lũy kế vốn đã thực hiện của dự án hoàn thành đưa vào sử dụng
								Tr. độ: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán (*)		Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...		thanh toán		vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)		Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=11+12+16+17	21	22	23	24	
2	CTMT quốc gia...																							
3	Dự án ... CTMT khác...																							
III 1	Người khác Nguồn... Dự án...																							

Đơn vị: tr đồng

Ghi chú:

- Đối với Dự án trong mới 5 triệu ha rừng: số vốn thanh toán được quyết toán năm tính từ 1/1 năm kế hoạch đến hết 31/1 năm sau.
- Số vốn thanh toán từ 1/2 đến hết tháng 4 năm sau, quyết toán vào niên độ ngân sách năm sau.
- Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.
- Đối với một số dự án được giao kế hoạch vốn ngoài nước, nhưng thanh toán như nguồn vốn trong nước, thì số vốn đã thanh toán hạch toán vào nguồn ngoài nước.
- (*) Cột số 9 - thể hiện lũy kế số dư tạm ứng chưa quyết toán năm.
- (*) Cột 22 - thể hiện số quyết toán năm, gồm: thanh toán KLHT bằng nguồn được giao trong năm kế hoạch; nguồn thuộc kế hoạch năm trước chuyển năm sau chi tiếp; thanh toán các khoản tạm ứng theo chế độ từ các năm trước chuyển sang; Cột 22=cột 11 + cột 16 + cột 9 - phần số liệu đã hạch toán từ tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi sang thanh toán KLHT.
- (*) Cột 23 - lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán tính đến hết niên độ năm 20... Cột 23=cột 12+cột 17+cột 9 (nếu còn).

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng cơ quan (Ký và đóng dấu)

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB - nguồn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có)

Niên độ ngân sách năm 20...

(Kèm theo Công văn số 4225/BTC-KHHC ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tr. đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...			Thanh toán vốn ứng trước			Số thành toán tương ứng với kế hoạch thu hồi				
						Tổng số	KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn KH thu hồi năm 20...	Tổng số	Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Bao gồm: Thành toán trong năm 20... Thành toán cho KH vốn ứng trước năm trước chuyển sang					
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15	16	
	Tổng số:															
I	Nguồn vốn XDCB tập trung															
1	Vốn chuẩn bị đầu tư															
1	Dự án...															
2	Vốn thực hiện dự án															
	Ngành ...															
	Nhóm ...															
	Dự án...															
II	Dự án, CTMT															
1	Dự án Trồng mới 5 tr. ha rừng															
2	Dự án...															
	CTMT quốc gia....															
	Dự án...															
3	CTMT khác															
III	Nguồn khác															
1	Nguồn...															
	Dự án ...															
	Dự án...															
2	CTMT quốc gia....															
	Dự án...															

Người lập biểu

.... ngày tháng năm 20....

Đơn vị: Tr.đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...			Thanh toán vốn ứng trước						
						Tổng số	Bảo gồm:		Thanh toán trong năm 20...		Bảo gồm:		Số thanh toán		
1	2	3	4	5	6	7 = 8+9+10	8	9	10	11 = 12+13+16	12	13 = 14+15	14	15	16
							KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...	KH vốn thu hồi năm 20...		Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang		Thanh toán cho KH vốn ứng trước năm trước chuyển sang	Thanh toán cho KH ứng năm 20...	Lương ứng với kế hoạch thu hồi

(Ký, họ, tên)

Thủ trưởng cơ quan (ký và đóng dấu)

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XDCB nguồn trái phiếu Chính phủ

Niên độ ngân sách năm 20...
(Kèm theo Công văn số 4225/BTC-KHHC ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn thanh toán từ K/công đến hết năm trước	Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...				Thanh toán vốn thực hiện trong năm 20...				Tổng cộng vốn đã thanh toán năm 20... 19=10+11+15+16	Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn huy bỏ	Lũy kế vốn đã thực hiện của DA hoàn thành đưa vào sử dụng	
								Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	thanh toán	Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn được kéo dài	thanh toán	thanh toán	Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn huy bỏ					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	20=12+17	21=13+18	22
I Tổng số (I+II)																				
Vốn chuẩn bị đầu tư																				
Dự án...																				
Dự án...																				
II Vốn thực hiện dự án																				
1 Ngành giao thông																				
Nhóm...																				
Dự án...																				
Dự án...																				
2 Ngành Thủy lợi																				
Nhóm...																				
Dự án...																				
Dự án...																				

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

..... ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng cơ quan (ký và đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ (Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ NN, ...)

Biểu 04/CQTH

Báo cáo thanh toán vốn đầu tư XD CB - nguồn ứng trước vốn trái phiếu Chính phủ (nếu có)

Niên độ ngân sách năm 20...

(Kèm theo Công văn số 4225/BTC-KHTC ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tr.đồng

Số thứ tự	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...				Thanh toán vốn ứng trước					
						Bao gồm:			Tổng số	Bao gồm:			Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...	
7=8+9+10	KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...	KH vốn thu hồi năm 20...	Tổng số	11=12+13+16	12	13=14+15	14		15	16				
1	Tổng số (I+II)	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15	16
I Vốn chuẩn bị đầu tư															
	Dự án...														
	Dự án...														
II Vốn thực hiện dự án															
1	Ngành giao thông														
	Nhóm ...														
	Dự án...														
	Dự án...														
2	Ngành Thủy lợi														
	Nhóm ...														
	Dự án...														
	Dự án...														

Người lập biểu
(Ký, họ, tên)

... ngày tháng năm 20...
Thủ trưởng cơ quan (Ký và đóng dấu)

Mẫu số: 01/QTDA

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

Tên dự án:

Tên công trình, hạng mục công trình:

Chủ đầu tư :

Cấp quyết định đầu tư:

Địa điểm xây dựng:

Quy mô công trình: Được duyệt:..... Thực hiện.....

Tổng mức đầu tư được duyệt:.....

Thời gian khởi công - hoàn thành: Được duyệt:..... Thực hiện.....

I/ Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Chênh lệch
1	2	3	4
Tổng cộng			
- Vốn NSNN			
- Vốn TD ĐTPT của Nhà nước			
- Vốn TD Nhà nước bảo lãnh			
- Vốn ĐTPT của đơn vị			
- ...			

II/ Tổng hợp chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Đề nghị quyết toán	Tăng, giảm so với dự toán
1	2	3	4	5
	Tổng số			
1	Đền bù, GPMB, TĐC			
2	Xây dựng			
3	Thiết bị			
4	Quản lý dự án			
5	Tư vấn			
6	Chi khác			

III/ Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

IV/ Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

STT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)	
		Thực tế	Quy đổi
1	2	3	4
	Tổng số		
1	Tài sản cố định		
2	Tài sản lưu động		

V/ Thuyết minh báo cáo quyết toán

1- Tình hình thực hiện dự án:

- Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt.:
- + Quy mô, kết cấu công trình, hình thức quản lý dự án, thay đổi Chủ đầu tư, hình thức lựa chọn nhà thầu, nguồn vốn đầu tư, tổng mức vốn đầu tư.
- + Những thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được duyệt.

2- Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.
- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư.

3- Kiến nghị:

....., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 02/QTDA

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Tổng giá trị được duyệt (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

....., ngày... tháng... năm....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 03/QTDA

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ QUA CÁC NĂM

Đơn vị: Đồng

STT	Năm	Kế hoạch	Vốn đầu tư thực hiện	Vốn đầu tư quy đổi
1	2	3	4	5

....., ngày... tháng... năm....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 04/QTDA

**CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN
THEO CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC HOÀN THÀNH**

Đơn vị: đồng

Tên công trình (hạng mục công trình)	Dự toán được duyet	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán						
		Tổng số	Gồm					
			GPMB	Xây dựng	Thiết bị	Quản lý dự án	Tư vấn	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng số								
- Công trình (HMCT) - Công trình (HMCT)								

....., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư

(Ký, Đãng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 05/QTDA

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH MỚI TĂNG

Đơn vị: đồng

ST T	Tên và ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá	Ngày đưa TSCĐ vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số							
1								
2								
3								

....., ngày... tháng... năm....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 06/QTDA

TÀI SẢN LƯU ĐỘNG BÀN GIAO

Đơn vị: đồng

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Giá trị	Đơn vị tiếp nhận sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số					

....., ngày ... tháng ... năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 07/QTDA

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
(Tính đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán)

Đơn vị: đồng

S T T	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số						
1							
2							
3							
...							

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm

Chủ đầu tư

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BẢNG ĐỐI CHIẾU
SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

Nguồn vốn:.....

- Tên dự án:.
- Chủ đầu tư:
- Tên cơ quan cho vay, thanh toán:

I/ Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán:

S TT	Chi tiêu	Số liệu của chủ đầu tư	Số liệu của cơ quan thanh toán	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Lũy kế số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ khởi công				
2	Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm.				
	Năm ...				
	Năm				
	Năm ...				

Giải thích nguyên nhân chênh lệch:

II/ Nhận xét đánh giá và kiến nghị:

1-Nhận xét:

- Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng.
- Chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư.

2- Kết quả kiểm soát qua quá trình cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư thực hiện dự án:

3- Kiến nghị: Về nguồn vốn đầu tư và chi phí đầu tư đề nghị quyết toán thuộc phạm vi quản lý.

Ngày ... tháng ... năm....

Chủ đầu tư

Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...

Cơ quan cấp vốn, cho vay, thanh toán

Trưởng phòng Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 09/QTDA

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH

Của Dự án:.....

(Dùng cho dự án Quy hoạch sử dụng vốn đầu tư phát triển và Chuẩn bị đầu tư bị hủy bỏ)

I-Văn bản pháp lý:

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu văn bản; ngày ban hành	Tên cơ quan duyệt	Tổng giá trị phê duyệt (nếu có)
1	2	3	4	5
	- Chủ trương lập quy hoạch hoặc chuẩn bị đầu tư dự án			
	-Văn bản phê duyệt đề cương (đối với dự án quy hoạch)			
	- Văn bản phê duyệt dự toán chi phí			
	- Quyết định phê duyệt quy hoạch (đối với dự án quy hoạch)			
	- Quyết định hủy bỏ dự án			

II- Thực hiện đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn đầu tư	Được duyệt	Thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4
Tổng số			
- Vốn NSNN			
- Vốn khác			

2. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị: đồng

Nội dung chi phí	Dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán	Tăng (+) Giảm (-)
1	2	3	4
Tổng số			

3. Số lượng, giá trị TSCĐ mới tăng và TSLĐ hình thành qua đầu tư, tên đơn vị tiếp nhận quản lý và sử dụng tài sản (nếu có):

III/ Thuyết minh báo cáo quyết toán :

1-Tình hình thực hiện:

- Thuận lợi, khó khăn

-
- Những thay đổi nội dung của dự án so chủ trương được duyệt.
 - 2- Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:
 - Chấp hành trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của nhà nước
 - Công tác quản lý vốn và tài sản trong quá trình đầu tư
 - 3- Kiến nghị:
 - Kiến nghị về việc giải quyết các vướng mắc, tồn tại của dự án

Ngày... tháng... năm....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 10/QTDA

Cơ quan phê duyệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:.....

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....., ngày.... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH CỦA

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Căn cứ:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án:
- Tên công trình, hạng mục công trình:
- Chủ đầu tư
- Địa điểm xây dựng:
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế)

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư :

Đơn vị: đồng

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4
Tổng số			
- Vốn ngân sách nhà nước			
- Vốn TD ĐTPT của Nhà nước			
- Vốn TD Nhà nước bảo lãnh			
- Vốn ĐTPT của đơn vị			
- ...			

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số		
1. Đền bù, GPMB, TĐC		
2. Xây dựng		
3. Thiết bị		
4. Quản lý dự án		
5. Tư vấn		
6. Chi phí khác		

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số				
1- Tài sản cố định				
2- Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
1	2	3
Tổng số		
- Vốn ngân sách nhà nước		
- Vốn TD ĐTPT của Nhà nước		
- Vốn TD Nhà nước bảo lãnh		
- Vốn ĐTPT của đơn vị		
- ...		

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày ... tháng ... năm ... là :

Tổng nợ phải thu:

Tổng nợ phải trả:

Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục số:..... kèm theo.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
1	2	3

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan :

4. Các nghiệp vụ thanh toán khác (nếu có)

Điều 4: Thực hiện

Nơi nhận:

Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đơn vị tổng hợp báo cáo:
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH
6 tháng, cả năm....

1/ Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng cộng					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
B	Chi tiết theo các đơn vị cấp dưới					
1	...					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
2	...					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
...						

2/ Dự án đã nộp báo cáo, chậm phê duyệt quyết toán trên 6 tháng:

STT	Loại dự án	Chậm từ 7 đến 24 tháng			Chậm trên 24 tháng			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	Tổng cộng							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
B	Chi tiết theo các đơn vị cấp dưới							
1							
	Nhóm A							
	Nhóm B							

	Nhóm C							
2	...							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
...								

3/ Dự án hoàn thành chậm nộp báo cáo quyết toán trên 6 tháng:

STT	Loại dự án	Chậm từ 7 đến 24 tháng			Chậm trên 24 tháng			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	Tổng cộng							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
B	Chi tiết theo các đơn vị cấp dưới							
1							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
2	...							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
...								

4/ Kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm....
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

...							
-----	--	--	--	--	--	--	--

3/ Dự án hoàn thành chậm nộp báo cáo quyết toán trên 6 tháng:

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Ngày tháng năm bàn giao đưa vào sử dụng	Số tháng chậm so với quy định	Tổng mức đầu tư	Vốn đầu tư đã thanh toán	Nguyên nhân
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng cộng						
I	Nhóm A						
1							
2							
...							
II	Nhóm B						
1							
2							
...							
III	Nhóm C						
1							
2							
...							

4/ Kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Ngày... tháng... năm....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)